

**CHIẾN LƯỢC XUẤT KHẨU**  
**QUỐC GIA VIỆT NAM**  
**TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG**  
**VÀ CHỨNG NHẬN**

## Lời cảm ơn và miễn trừ trách nhiệm

Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Chính sách thương mại và xúc tiến xuất khẩu của Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ (Dự án SwissTrade)” do Bộ Công Thương là Cơ quan chủ quản với hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC). Mục tiêu của Dự án nhằm hỗ trợ Việt Nam nâng cao thành tích xuất khẩu và năng lực cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ một cách bền vững thông qua việc cải thiện các điều kiện khung thuận lợi cho phát triển xuất nhập khẩu, tăng cường cơ chế đối thoại công – tư và phát triển hệ sinh thái năng động hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu.

Tài liệu này được xây dựng dưới sự bảo trợ của Bộ Công Thương Việt Nam (MoIT) do Vụ Kế hoạch – Tài chính và Cục Xuất nhập khẩu chủ trì và Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) hỗ trợ kỹ thuật. Mục đích của tài liệu là định hướng phát triển thương mại của Việt Nam trong tương lai. Những phát hiện trong tài liệu dựa trên nghiên cứu sâu rộng và là kết quả của nhiều cuộc tham vấn với các bên liên quan cấp quốc gia, cấp ngành. Báo cáo này tóm tắt kết quả hoạt động thương mại và năng lực cạnh tranh của Việt Nam, bao gồm Kế hoạch hành động chi tiết để định hướng cho sự phát triển mạnh mẽ và nâng cấp hơn nữa trong tương lai. Nội dung tài liệu này được đưa vào Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030, Kế hoạch hành động cấp quốc gia và cấp Bộ. Tài liệu này được xây dựng theo quy trình, phương pháp và hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ chương trình Chiến lược Phát triển Thương mại của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Tài liệu này không phản ánh quan điểm chính thức của ITC, Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) hoặc Bộ Công Thương (MoIT). Việc đề cập đến doanh nghiệp, sản phẩm và thương hiệu sản phẩm trong tài liệu không có nghĩa là chúng tôi chứng thực cho các tổ chức và doanh nghiệp này. ITC không phải là đơn vị chỉnh sửa báo cáo này lần cuối.

### Lời cảm ơn

ITC ghi nhận và cảm ơn sâu sắc về hỗ trợ tài chính do SECO tài trợ, cũng như sự cống hiến của các thành viên trong nhóm nòng cốt, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã tham gia vào quá trình xây dựng tài liệu này, và sự hỗ trợ chung do Ban Quản Lý Dự án Chính sách thương mại và Xúc tiến xuất khẩu của Thụy Sĩ của Bộ Công Thương.

*Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)* là cơ quan chung của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Liên Hợp Quốc (UN). Một trong những nhiệm vụ của ITC là thúc đẩy phát triển bền vững thông qua các cơ hội thương mại gia tăng, bộ phận Nghiên cứu và Chiến lược Xuất khẩu (RSE) đưa ra một bộ giải pháp chiến lược liên quan đến thương mại để tối đa hóa lợi ích phát triển từ thương mại. Các chiến lược và lộ trình phát triển thương mại do ITC hỗ trợ phù hợp với các mục tiêu thương mại của một quốc gia hoặc khu vực và được định hướng để đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể, mục tiêu phát triển hoặc mục tiêu cạnh tranh, theo các ưu tiên của quốc gia.

## Từ viết tắt

<b>BSI</b>	Viện tiêu chuẩn Anh Quốc	<b>HTQLCL</b>	Hệ thống quản lý chất lượng
<b>BSO</b>	Tổ chức Hỗ trợ Doanh nghiệp	<b>QUACERT</b>	Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Việt Nam
<b>ISO</b>	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế	<b>QUATEST</b>	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
<b>ITC</b>	Trung tâm thương mại quốc tế	<b>DNVVN</b>	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
<b>BCT</b>	Bộ Công Thương	<b>TCĐLCL</b>	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
<b>Bộ KH&amp;CN</b>	Bộ Khoa học và Công nghệ	<b>TCVN</b>	Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
<b>MRA</b>	Thỏa thuận công nhận lẫn nhau	<b>VSQI</b>	Viện Tiêu Chuẩn Chất Lượng Việt Nam
<b>NAB</b>	Cơ quan công nhận quốc gia	<b>VMI</b>	Viện đo lường Việt Nam
<b>NSB</b>	Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia	<b>WTO</b>	Tổ chức Thương mại Thế giới
<b>NQI</b>	Hạ tầng chất lượng quốc gia	<b>UNCTAD</b>	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
<b>QCDP</b>	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương của Việt Nam		
<b>QCVN</b>	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam		
<b>QLCL</b>	Quản lý chất lượng		

# Nội dung

LỜI CẢM ƠN VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM	II
TỪ VIẾT TẮT	III
<hr/>	
<b>TÓM TẮT</b>	<b>1</b>
<hr/>	
<b>GIỚI THIỆU</b>	<b>3</b>
KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA	3
TIÊU CHUẨN, CHỨNG NHẬN VÀ HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA	5
DỊCH VỤ DÀNH CHO DOANH NGHIỆP	7
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ QUAN TRỌNG CHO XUẤT KHẨU	8
<hr/>	
<b>THÔNG LỆ QUỐC TẾ HIỆU QUẢ NHẤT</b>	<b>9</b>
ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG NQI THIẾT THỰC, HIỆU QUẢ VÀ KHẢ THI	9
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG LÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ NÂNG CAO NĂNG SUẤT	9
HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	11
<hr/>	
<b>BỐI CẢNH TRONG NƯỚC</b>	<b>13</b>
CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VỀ CHẤT LƯỢNG	13
CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VÀ QUY ĐỊNH	13
TIÊU CHUẨN HÓA	14
HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM (NQI)	15
DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ TÍNH PHÙ HỢP	16
<hr/>	
<b>HẠN CHẾ VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH</b>	<b>18</b>
TỔNG QUAN VỀ CÁC HẠN CHẾ	18
VẤN ĐỀ Ở CẤP DOANH NGHIỆP	19
VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	19
VẤN ĐỀ Ở CẤP QUỐC GIA	20

---

<b>CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC</b>	<b>21</b>
TẦM NHÌN.....	21
KHUNG CHIẾN LƯỢC.....	21
<hr/>	
<b>KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG</b>	<b>25</b>
<b>PHỤ LỤC I: NHỮNG BÊN THAM GIA QUÁ TRÌNH THAM VẤN</b>	<b>31</b>

## Hình ảnh

<b>Hình 1:</b> Mục tiêu chiến lược	2
<b>Hình 2:</b> Các khía cạnh chất lượng sản phẩm	3
<b>Hình 3:</b> Các thành phần quản lý chất lượng	4
<b>Hình 4:</b> Quản lý chất lượng để tăng Năng lực cạnh tranh và Đổi mới sáng tạo	4
<b>Hình 5:</b> Tổng quan về hạ tầng chất lượng quốc gia	5
<b>Hình 6:</b> Các loại tiêu chuẩn và cách thức hoạt động của hệ thống chứng nhận	6
<b>Hình 7:</b> Năm thành phần chính của các tổ chức và dịch vụ NQI	7
<b>Hình 8:</b> Chứng nhận quốc tế quan trọng cho xuất khẩu	8
<b>Hình 9:</b> Công cụ vòng tròn chất lượng Kaizen	10
<b>Hình 10:</b> Tây Ban Nha sử dụng chất lượng để đổi mới trong ngành xây dựng	11
<b>Hình 11:</b> Liên minh châu Âu sử dụng Hệ thống quản lý môi trường	11
<b>Hình 12:</b> Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam	16
<b>Hình 13:</b> Mục tiêu chiến lược và thực hiện	22

## Bảng biểu

<b>Bảng 1:</b> Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam (TCVN) theo lĩnh vực	15
<b>Bảng 2:</b> Các tổ chức và dịch vụ NQI Việt Nam	17

## Hộp

<b>Những điểm chính về khái niệm và định nghĩa</b>	8
<b>Vài điểm chính rút ra</b>	12





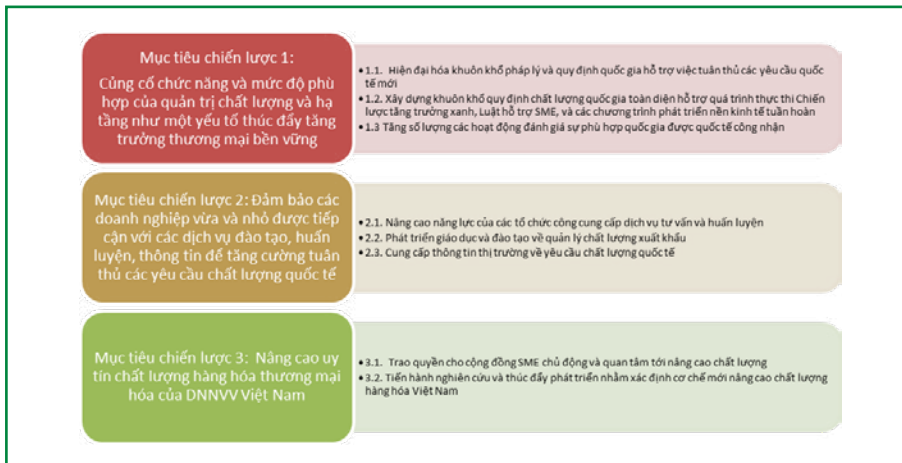
# Tóm tắt

Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQG) có thể định nghĩa là hệ thống khung thể chế cần thiết của một quốc gia (công hoặc tư) để thiết lập và thực thi quá trình tiêu chuẩn hóa, đo lường và các dịch vụ chứng nhận và đánh giá tính phù hợp (kiểm tra, kiểm nghiệm và chứng nhận sản phẩm và hệ thống) cần thiết để cung cấp bằng chứng thỏa đáng chứng minh các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng được yêu cầu quy định, bất kể những yêu cầu này do các cơ quan chức năng (trong các quy chuẩn kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch) hoặc thị trường (nghĩa là theo hợp đồng hoặc được hiểu bất thành văn).

cản thương mại phổ biến nhất, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên thực tế, các nhà sản xuất cần hiểu yêu cầu của địa phương để có thể sản xuất, tiếp thị và đưa sản phẩm ra thị trường. Điều này càng phức tạp hơn khi xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài.

Một môi trường quản lý chất lượng hoạt động tốt và thuận lợi đòi hỏi sự tương tác có cấu trúc và phối hợp giữa các tổ chức và các bộ phận chức năng. Điểm bắt đầu là tổng quan về các tiêu chuẩn và quy định về sản phẩm trong và ngoài nước, nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ cho một thị trường mục tiêu cụ thể – trong nước hoặc nước ngoài. Nhiều yêu cầu hướng đến sản phẩm và ngành cụ thể, trong đó với tầm nhìn chung “**Hạ tầng chất lượng quốc gia Việt Nam là động lực hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tuân thủ các yêu cầu của thị trường quốc tế và thúc đẩy phát triển thương mại bền vững**”, chiến lược này nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu của quốc gia thông qua nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và các dịch vụ hỗ trợ về quản lý chất lượng, qua đó giúp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu đáng kể. Chiến lược này cũng nhằm mục đích hỗ trợ phát triển thương mại bền vững thông qua hiện đại hóa quản lý chất lượng quốc gia và nâng cao năng lực hạ tầng hoạt động để đáp ứng các yêu cầu quốc tế về tính bền vững đối với môi trường và hỗ trợ các chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh. Như được minh họa trong Hình 1, điều này được tổ chức theo ba mục tiêu chiến lược đóng vai trò xương sống cho các hoạt động trong Kế hoạch Hành động.

## Hình 1. Mục tiêu chiến lược



### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 1. CỨNG CỐ CHỨC NĂNG VÀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA QUẢN TRỊ VÀ HẠ TẦNG CHẤT LƯỢNG ĐỂ TRỞ THÀNH YẾU TỐ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG THƯƠNG MẠI BỀN VỮNG

Mục tiêu chiến lược này tập trung vào việc xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa chất lượng và phát triển thương mại, với trọng tâm là hợp tác giữa khu vực công-tư để đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường quốc tế mà luật pháp từ hơn mười năm trước chưa nắm bắt được. Ngoài ra, mục tiêu này chú trọng mạnh vào việc xây dựng năng lực của các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức công để xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động đánh giá tính phù hợp mới đối với hàng hóa và dịch vụ mới được phát triển theo các chương trình phát triển mới.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 2: ĐẢM BẢO CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI CÁC DỊCH VỤ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN, THÔNG TIN ĐỂ TĂNG KHẢ NĂNG TUÂN THỦ CÁC YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ.

Mục tiêu chiến lược này bao gồm việc xây dựng một môi trường hỗ trợ kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách tăng số lượng, tăng nguồn cung các chuyên gia quản lý chất lượng sẵn sàng làm việc với các doanh nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ đầy tham vọng. Mục tiêu này cũng ưu tiên phát triển nền tảng trực tuyến đóng vai trò là trung tâm trọn gói dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm hiểu các yêu cầu chất lượng liên quan đối với các sản phẩm ưu tiên tại các thị trường mục tiêu, tiếp nhận hướng dẫn về các chủ đề liên quan đến chất lượng, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối với các tổ chức hoặc cá nhân liên quan có thể hỗ trợ, đồng thời hiểu biết sâu sắc hơn về các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ khác.

### MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 3: NÂNG CAO UY TÍN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA ĐƯỢC THƯƠNG MẠI HÓA CỦA DNNVV VIỆT NAM

Mục tiêu chiến lược này tập trung vào việc xây dựng chất lượng hàng hóa thông qua các cơ chế khác bên cạnh việc cấp chứng nhận. Mục tiêu này nhấn mạnh những hành động mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tự thực hiện để cải thiện chất lượng và cách thức khuyến khích doanh nghiệp chủ động hơn trong việc cải tiến chất lượng. Trong đó kể đến đảm bảo các doanh nghiệp vừa và nhỏ nắm được thông tin và được đào tạo về các vấn đề trong đóng gói và dán nhãn, cũng như khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ cải thiện và cạnh tranh để giành giải thưởng về chất lượng bằng cách trao thưởng cơ hội tiếp xúc gặp gỡ quốc tế thông qua các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

# Giới thiệu

## Khái niệm và định nghĩa

Chất lượng có thể được hiểu là sự phù hợp với yêu cầu của khách hàng hoặc phù hợp với mục đích nhất định. Điều này nằm trong bối cảnh thương mại khi có sự trao đổi giữa hai bên, bên cung cấp và bên tiếp nhận. Do đó, định nghĩa về chất lượng có liên quan đến hành vi trao đổi đó.

Thực tế, chất lượng có nhiều khía cạnh dựa trên thiết kế của sản phẩm, quy trình sản xuất và sự phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu hoặc tiêu chuẩn cụ thể. Hình 2 nêu ra các khía cạnh này.

**Hình 2:** Các khía cạnh chất lượng sản phẩm



**Nguồn:** ITC, sửa đổi năm 2022.

Quản lý chất lượng (QLCL) nghĩa là các hoạt động phối hợp để chỉ đạo và kiểm soát việc tổ chức về mặt chất lượng.<sup>1</sup> Mục tiêu của QLCL là đảm bảo tất cả các hoạt động cần thiết đối với việc nâng cao sự hài lòng của khách hàng và các bên liên quan khác được thực hiện một cách thực tế và hiệu quả trong phạm vi toàn công ty. QLCL không chỉ tập trung vào chất lượng sản phẩm

mà còn tập trung vào phương tiện để đạt được chất lượng đó.<sup>2</sup>

Hình 3 tóm tắt bốn thành phần chính của quy trình quản lý chất lượng và nêu bật một số câu hỏi được đặt ra trong các bước khác nhau của quy trình.

1.- ISO

2.- Hướng dẫn quản lý chất lượng xuất khẩu của ITC (EQM)

**Hình 3: Các thành phần quản lý chất lượng**

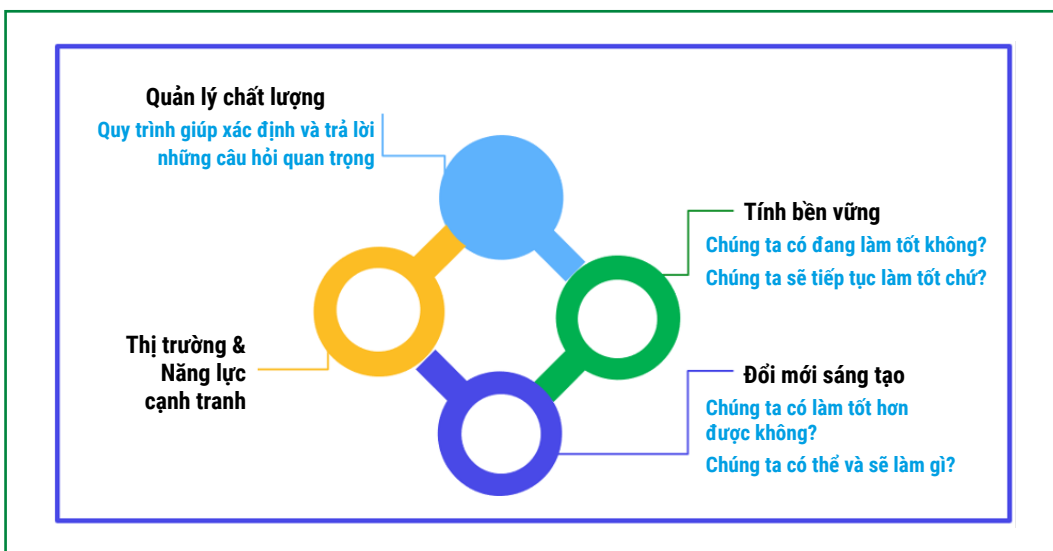


Nguồn: ITC, năm 2022.

Hệ thống quản lý chất lượng có thể là công cụ mạnh mẽ giúp doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (Hình 3), đáp ứng những thay đổi của thị trường và các yêu cầu khác như vấn đề tính bền vững về mặt xã hội, kinh tế và môi trường. Điều này thường sẽ đòi hỏi các phương pháp, kỹ thuật, công nghệ, quy trình mới.

Vì các đặc điểm về chất lượng của thiết kế, sản xuất, nhu cầu của người tiêu dùng và chất lượng phù hợp có thể thay đổi theo thời gian, nên các hoạt động cải tiến chất lượng đưa ra câu trả lời về những thay đổi cần thiết đối với các phương pháp hiện có, để mang lại lợi nhuận lớn hơn nhờ sử dụng ít tài nguyên hơn. Việc liên tục cải tiến chất lượng giúp doanh nghiệp duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường (Hình 3).

**Hình 4: Quản lý chất lượng để tăng Năng lực cạnh tranh và Đổi mới sáng tạo**



Nguồn: ITC 2022

Có các hệ thống quản lý khác dành riêng cho môi trường và các ngành công nghiệp trong đó đề cập quy trình và thủ tục của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc bên cung cấp dịch vụ, trái ngược với chứng nhận sản phẩm. Trong

đó có hệ thống quản lý môi trường và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, thường được gọi là hệ thống Phân tích mối nguy và Điểm kiểm soát tới hạn (HACCP).

## Tiêu chuẩn, chứng nhận và hạ tầng chất lượng quốc gia

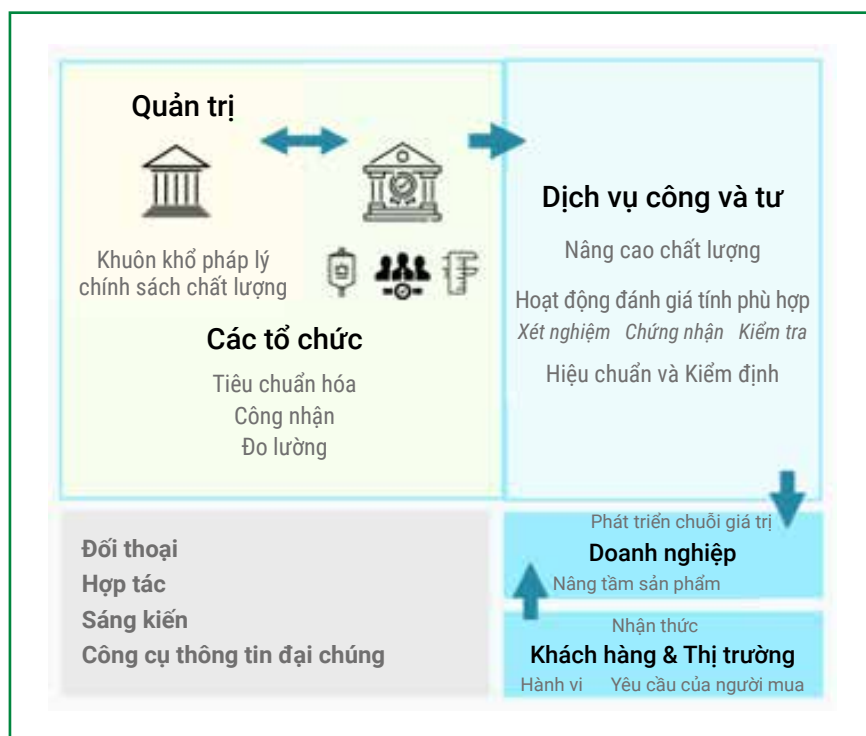
Các tiêu chuẩn và chứng nhận là cơ chế để hài hòa, xác nhận các định nghĩa và trong một số trường hợp, thực thi các yêu cầu chất lượng, quy trình sản xuất, hệ thống quản lý và các yêu cầu khác. Theo thời gian, các tiêu chuẩn và khái niệm liên quan phải tuân theo định nghĩa và kiểm tra kỹ lưỡng hơn về mặt khoa học và công nghệ. Điều này tạo điều kiện cho mạng lưới các tổ chức và hoạt động vốn thuộc một hệ thống phức tạp là hạ tầng chất lượng, đan xen ở cấp quốc gia và quốc tế.

Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQL) có thể được định nghĩa là hệ thống khung thể chế của một quốc gia (công hoặc tư) cần thiết để thiết lập và thực hiện tiêu chuẩn hóa, đo lường (khoa học, công nghiệp và pháp lý) và các dịch vụ công nhận và đánh giá tính phù hợp (kiểm tra, kiểm nghiệm và chứng nhận sản phẩm và hệ thống) cần

thiết để cung cấp bằng chứng thỏa đáng chứng minh các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu đã xác định, bất kể các yêu cầu này được áp đặt bởi cơ quan có thẩm quyền (trong các quy chuẩn kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch) hoặc thị trường (theo hợp đồng hoặc được hiểu bất thành văn).

Hạ tầng chất lượng quốc gia góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại trên thị trường toàn cầu, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực, an toàn thực phẩm, sức khỏe, môi trường và biến đổi khí hậu. NQL bao gồm quản trị, thể chế, nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp, người tiêu dùng và thị trường, và những tương tác giữa các chủ thể này. Hình 4 cho thấy cái nhìn tổng quan về một hệ thống NQL.

**Hình 5: Tổng quan về hạ tầng chất lượng quốc gia**



Nguồn: ITC

**Quản trị.** Chính phủ của một quốc gia đặt ra động lực ban đầu và là bên chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc đảm bảo NQL hoàn thành mục tiêu chính sách, đáp ứng nhu cầu của quốc gia, phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đồng thời tuân thủ quy tắc thương mại thế giới. Chính phủ tạo động lực thông qua phát triển chính sách chất lượng quốc gia và thiết lập khuôn khổ pháp lý cho NQL.

**Chính sách chất lượng quốc gia** là công cụ của chính phủ nhằm thiết lập và giám sát NQL. Công cụ này đặt ra mục tiêu của NQL và có thể tận dụng mức độ phát triển của NQL để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của NQL và cách thức các tổ chức chính phủ khác nhau hưởng lợi từ NQL. Những điều này được thực hiện qua việc mời nhiều bên liên quan đối thoại và tham gia soạn thảo chính sách chất lượng.

Quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật đặt ra đặc tính, chức năng, quy trình sản xuất, hiệu suất, nhãn dán, đóng gói, v.v. cụ thể. Trong một số trường hợp nhất định, việc soạn thảo quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật về quy trình và phương pháp sản xuất là phù hợp khi cách thức sản xuất sản phẩm có thể ảnh hưởng đến những đặc điểm này.

Tiêu chuẩn được xây dựng bởi các ủy ban kỹ thuật do các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia, các tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực và/hoặc quốc tế thành lập. Các tiêu chuẩn thường được chia thành tiêu chuẩn công và tiêu chuẩn tư nhân. Hình 5 tóm lược các loại tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận.

Các tiêu chuẩn tư nhân được xây dựng bởi các nhóm phi chính phủ cụ thể, tức là các tổ chức ngành bao gồm các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội, tổ chức chứng nhận hoặc các nhà bán lẻ lớn.

Quy chuẩn kỹ thuật là văn bản hoặc luật quy định các đặc tính sản phẩm hoặc quy trình và phương pháp sản xuất liên quan.

Các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến nhất là những tiêu chuẩn do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế ISO phát hành. Các hệ thống quốc gia thường tìm cách hài hòa tiêu chuẩn của mình với tiêu chuẩn ISO.

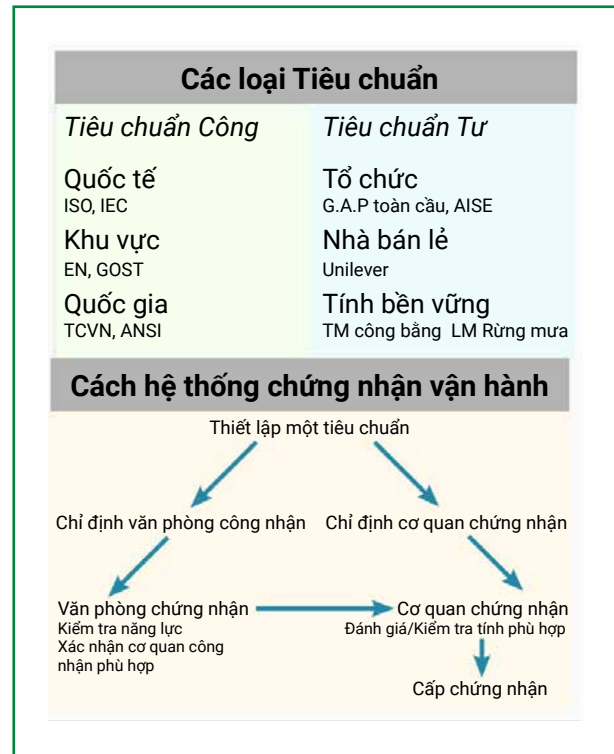
Về bản chất, tiêu chuẩn ISO là phương thức thực hiện được quốc tế công nhận. Các tiêu chuẩn ISO được các chuyên gia quốc tế thống nhất và được xem là công thức mô tả phương thức thực hiện tốt nhất. Điều này có thể bao gồm tạo ra sản phẩm, quản lý quy trình, cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp nguyên vật liệu, các tiêu chuẩn bao trùm hàng loạt hoạt động.<sup>3</sup>

Khác biệt giữa tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nằm ở tính tuân thủ. Trong khi việc tuân thủ tiêu chuẩn là tự nguyện, việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về bản chất là bắt buộc. Việc tuân thủ có ý nghĩa khác nhau đối với thương mại quốc tế. Nếu một sản phẩm nhập khẩu không đáp ứng các yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật thì sẽ không được phép đưa ra tiêu thụ.<sup>4</sup>

Quyết định có được chứng nhận tiêu chuẩn luôn là một quyết định kinh doanh, tùy thuộc vào yêu cầu và lợi nhuận.

Tiêu chuẩn bền vững tự nguyện (VSS) là tiêu chuẩn quy định những yêu cầu mà nhà sản xuất, thương nhân, nhà chế tạo, nhà bán lẻ hoặc nhà cung cấp dịch vụ phải đáp ứng, gắn liền với nhiều chỉ số về tính bền vững, bao gồm tôn trọng các quyền cơ bản của con người, sức khỏe và an toàn của người lao động, tác động môi trường của sản xuất, quan hệ cộng đồng, quy hoạch sử dụng đất và các vấn đề khác.

**Hình 6: Các loại tiêu chuẩn và cách thức hoạt động của hệ thống chứng nhận**



Nguồn: ITC, sửa đổi năm 2022.

**Khuôn khổ pháp lý.** Các cơ quan chính phủ cần đảm bảo quốc gia thực thi tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhất quán với các quy tắc thương mại thế giới do Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thiết lập. Do có tính chất bắt buộc, các quy chuẩn kỹ thuật có thể trở thành rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) khi ngăn chặn hoặc cản trở dòng chảy hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia.

Các tiêu chuẩn trở thành bắt buộc khi được tham chiếu vào các quy định của chính phủ. Việc sử dụng không nhất quán các tiêu chuẩn và quy định có thể gây rào cản kỹ thuật. Điều này là do các quy chuẩn kỹ thuật ở một quốc gia có thể do các bộ khác nhau ban hành.<sup>5</sup>

**Thuật ngữ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và biện pháp SPS thường gây nhầm lẫn.** Các biện pháp theo hiệp định vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) là các yêu cầu do chính phủ áp đặt đối với hàng hóa để kiểm soát một số loại rủi ro đối với đời sống và sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật. Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) bao gồm ba loại biện pháp: quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá tính phù hợp nhằm tránh các rào cản thương mại không cần thiết.

3.- ISO định nghĩa tiêu chuẩn

4.- WTO Tổ chức Thương mại Thế giới

5.- UNIDO, Cơ sở hạ tầng chất lượng: Xây dựng niềm tin cho thương mại

**Yêu cầu thị trường.** Đối với một số thị trường, điều quan trọng là phải có nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm để thuyết phục người tiêu dùng rằng sản phẩm có chất lượng tốt. Ở một số thị trường, chứng nhận môi trường và xã hội cũng có thể đóng vai trò quan trọng để thâm nhập thị trường.

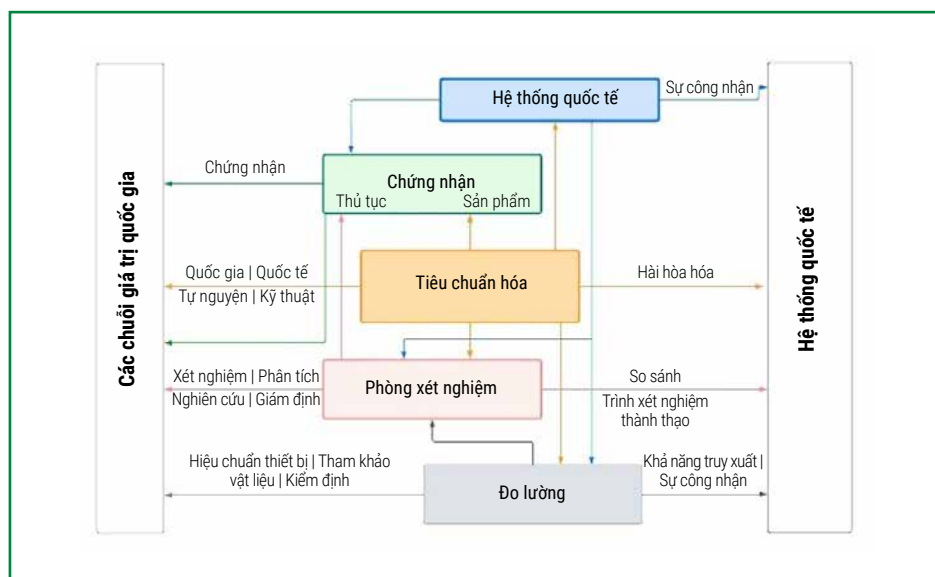
Về chứng nhận tiêu chuẩn, các sản phẩm nhập khẩu không đạt chứng nhận tiêu chuẩn sẽ được phép lưu hành trên thị trường, nhưng sau đó thị phần có thể bị ảnh hưởng nếu người tiêu dùng ưa chuộng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn địa phương như tiêu chuẩn màu cho hàng dệt may.

**Yêu cầu của người mua** là các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn tư nhân, một trong số các tiêu chuẩn này hoặc kết hợp các tiêu chuẩn tùy theo người mua quy định trong hợp đồng.

Người mua thương mại, chẳng hạn như các chuỗi bán lẻ lớn, có thể có yêu cầu chất lượng cao hơn yêu cầu về an toàn của cơ quan quản lý, vì vậy cần phải đáp ứng cả hai. Rõ ràng, nếu không có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì không có sản phẩm nào được bán ra, nhưng cũng cần tính đến nhu cầu của thị trường thương mại.

## Dịch vụ dành cho Doanh nghiệp

**Hình 7: Năm thành phần chính của các tổ chức và dịch vụ NQI**



**Nguồn:** ITC, cập nhật năm 2022.

Nhận thức cũng như tuân thủ quy chuẩn và tiêu chuẩn sản phẩm nước ngoài là một trong những rào cản thương mại phổ biến nhất, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên thực tế, các nhà sản xuất cần hiểu yêu cầu của địa phương để có thể sản xuất, tiếp thị và đưa sản phẩm ra thị trường. Điều này càng phức tạp hơn khi xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài. Danh sách các yêu cầu có thể thay đổi đáng kể so với quy định trong nước và nhà xuất khẩu sẽ không thể bán sản phẩm nếu không tuân thủ.

Doanh nghiệp cần sử dụng các phòng xét nghiệm để xác định sản phẩm tuân thủ tiêu chuẩn, các phòng xét nghiệm này cần được tiếp cận với các dịch vụ đo lường

và hiệu chuẩn để đảm bảo thiết bị kiểm nghiệm cho kết quả đáng tin cậy.

**Dịch vụ đánh giá tính phù hợp** là các quy trình kỹ thuật như kiểm nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận nhằm xác nhận sản phẩm đáp ứng các yêu cầu quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn. Hoạt động đánh giá tính phù hợp có thể được thực hiện trên sản phẩm, dịch vụ, quy trình, hệ thống và thậm chí cả con người.

Các sản phẩm/hệ thống có thể do bên thứ ba chứng nhận để tạo niềm tin cho người mua và các cơ quan quản lý rằng các yêu cầu liên quan được đáp ứng một cách nhất quán. Các tổ chức chứng nhận và phòng xét nghiệm phải được công nhận để chứng minh năng lực kỹ thuật.<sup>6</sup>

6.- Hướng dẫn quản lý chất lượng xuất khẩu của ITC (EQM)



Bất kỳ sự công nhận nào đối với báo cáo kiểm nghiệm, dù là trong nước hay nước ngoài, đều cần được tất cả các cơ quan quản lý có quan tâm đến sản phẩm và của người mua tại thị trường mục tiêu chấp nhận.

Các tổ chức đo lường và hiệu chuẩn đảm bảo tính hiệu lực của các phép đo. Các cơ quan công nhận đảm bảo

năng lực kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ đánh giá tính phù hợp.

Hình 6 tóm tắt năm thành phần chính của dịch vụ NQI: tiêu chuẩn hóa, kiểm nghiệm, đo lường, chứng nhận và công nhận, trong đó các thành phần này liên kết chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau.

## Chứng chỉ quốc tế quan trọng cho Xuất khẩu

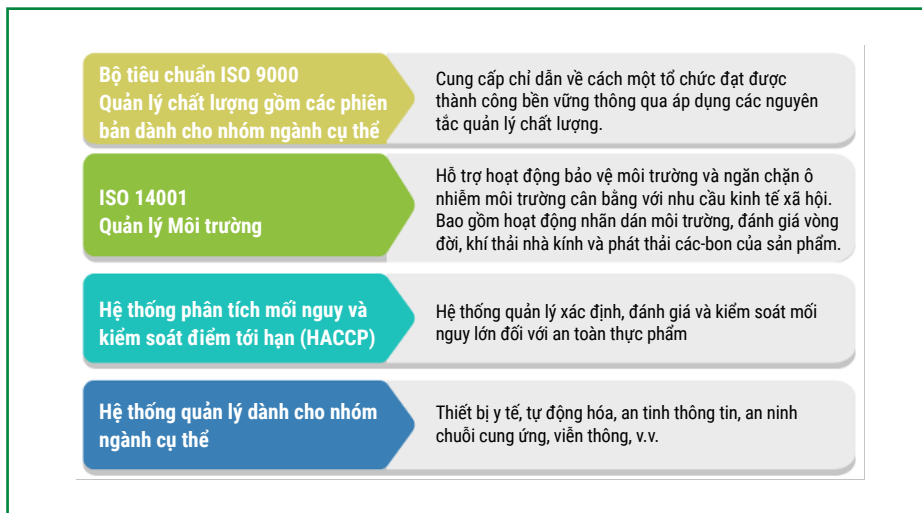
Chứng nhận hệ thống quản lý được xem là yêu cầu tối thiểu để được thị trường chấp nhận và mở ra cơ hội cho các cuộc đàm phán thương mại tiếp theo. Chứng nhận hệ thống quản lý đề cập các quy trình và thủ tục của nhà chế tạo, nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Chứng nhận hệ thống quản lý thường là yêu cầu giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp trong khi tiêu chuẩn sản phẩm có thể khác nhau tùy theo khách hàng. Hệ thống

quản lý có thể được đánh giá theo yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan và, nếu thấy phù hợp sẽ được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận.

Chứng nhận cho nhóm hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 được coi là yêu cầu tối thiểu mà người mua tiềm năng phải tuân thủ, sau đó là các hệ thống cụ thể theo ngành (Hình 7).

### Hình 8: Chứng nhận quốc tế quan trọng cho xuất khẩu



Nguồn: ITC, năm 2020.

### Những điểm chính về khái niệm và định nghĩa:

- Chất lượng có thể được hiểu là sự phù hợp với yêu cầu của khách hàng hoặc phù hợp với mục đích.
- Quản lý chất lượng (QLCL) đề cập đến các hoạt động phối hợp để định hướng và kiểm soát một tổ chức về mặt chất lượng.
- Hệ thống quản lý chất lượng có thể là công cụ mạnh mẽ giúp doanh nghiệp đổi mới.
- Các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật đặt ra các đặc điểm cụ thể, chức năng, quy trình sản xuất, hiệu suất, nhãn dán, đóng gói, v.v.
- Sự khác biệt giữa tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nằm ở tính tuân thủ. Trong khi việc tuân thủ các tiêu chuẩn là tự nguyện, thì việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật về bản chất là bắt buộc.
- Quyết định có được chứng nhận tiêu chuẩn luôn là một quyết định kinh doanh.
- Chứng nhận hệ thống quản lý là yêu cầu tối thiểu để được thị trường chấp nhận.
- Dịch vụ đánh giá tính phù hợp là các quy trình kỹ thuật như xét nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận nhằm xác nhận sản phẩm đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong các quy định và tiêu chuẩn.



# Thông lệ Quốc tế hiệu quả nhất

## Đặc điểm của hệ thống NQI thiết thực, hiệu quả và khả thi

Không có một hệ thống duy nhất nào bao trùm tất cả các sản phẩm và lĩnh vực đảm bảo các báo cáo kiểm nghiệm của nước xuất khẩu sẽ được chấp nhận tại thị trường nhập khẩu. Do đó, trách nhiệm của nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc đại lý nhập khẩu là đảm bảo đáp ứng các quy tắc của thị trường đối với sản phẩm cụ thể.

Một hệ thống quản lý chất lượng hoạt động hiệu quả và khả thi đòi hỏi phải có sự tương tác có cấu trúc và phối hợp giữa các tổ chức và các cơ quan chức năng.<sup>7</sup>

Một số đặc điểm của hệ thống NQI thiết thực, hiệu quả và khả thi bao gồm:

- Việc xây dựng chính sách chất lượng quốc gia có sự tham gia của các bên liên quan khác nhau ở các bộ và cơ quan khác nhau, cơ quan quản lý, hiệp hội thương mại và ngành, phòng thương mại, hiệp hội người tiêu dùng, nhà cung cấp và người sử dụng dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm nghiệm, chứng nhận và giám định.
- Các bộ và cơ quan quản lý phối hợp vận hành một khung pháp lý chung. Sự tham gia của các bộ và cơ quan quản lý giúp đảm bảo các chính sách chất lượng đáp ứng nhu cầu của đất nước, đồng thời khuyến khích việc thực hiện chính sách.
- Hòa hòa hóa các tiêu chuẩn trong nước với các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận, đồng thời sử dụng

nhất quán các tiêu chuẩn và quy định để hạn chế các rào cản kỹ thuật đối với thương mại.

- NQI được ưu tiên như một chất xúc tác cho năng lực cạnh tranh và tiếp cận thị trường toàn cầu. Việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên phạm vi toàn quốc giúp kích thích nhu cầu sử dụng các sản phẩm và dịch vụ này, từ đó tạo động lực cho các doanh nghiệp tư nhân và nền kinh tế.
- Hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp vừa và nhỏ về việc tuân thủ các yêu cầu quốc tế. Việc hỗ trợ ngành công nghiệp quốc gia đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu làm tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đất nước, khả năng tham gia vào thương mại toàn cầu và chuỗi giá trị.
- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh thông qua các dịch vụ NQI. Do quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ được cải thiện về mặt chất lượng, độ an toàn và khả năng tương thích, từ đó làm tăng nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm, nên các nhà cung cấp có thể tận dụng các dịch vụ NQI để sáng tạo hơn và cạnh tranh hơn.
- NQI hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu quốc gia và các ngành khác. Hỗ trợ cơ quan quản lý chịu trách nhiệm thực thi luật pháp về y tế công cộng, an toàn và môi trường.

## Quản lý chất lượng là công cụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất

Đa dạng hóa xuất khẩu và nâng cao chất lượng sản phẩm có mối quan hệ tỉ lệ thuận. Một số nghiên cứu chứng minh hệ thống quản lý chất lượng toàn diện có thể nâng cao hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.<sup>8</sup>

Dưới đây là một số ví dụ về các công cụ quản lý chất lượng được chính phủ các quốc gia sử dụng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và được khu vực tư nhân sử dụng để nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh.

7.- Hướng dẫn quản lý chất lượng xuất khẩu của ITC (EQM)

8.- Quản lý chất lượng toàn diện và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs): Vai trò trung gian của tốc độ đổi mới. Tính bền vững 2022. <https://doi.org/10.3390/u14148719>

Kaizen là mô hình kiểm soát chất lượng và phát triển sản phẩm có nguồn gốc từ Nhật Bản. Từ Kaizen nghĩa là cải tiến, đề cập đến quá trình đổi mới sáng tạo trong các công ty với sự tham gia của toàn bộ nhân lực. Mô hình Kaizen đã được áp dụng trên toàn thế giới, nhất là ở Châu Á và Châu Phi do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) áp dụng.<sup>9</sup>

Một lợi thế quan trọng của Kaizen là thường không yêu cầu doanh nghiệp đầu tư thêm, mặc dù mô hình này hoạt động dựa trên quyết tâm mạnh mẽ của ban lãnh đạo cấp cao. Chẳng hạn, Kaizen đặt mục tiêu nâng cao năng suất ở cấp độ doanh nghiệp thông qua việc áp dụng nhiều công cụ nâng cao hiệu quả, chẳng hạn như công cụ Vòng tròn chất lượng 7 (Hình 8).

**Hình 9: Công cụ vòng tròn chất lượng Kaizen**



**Nguồn:** Kaizen

Trong những năm gần đây, các ứng dụng Kaizen đang chuyển từ việc triển khai do khu vực tư nhân lãnh đạo (như trường hợp ban đầu là các công ty Nhật Bản sử dụng Kaizen đầu tiên) sang do khu vực công lãnh đạo. Tương tự, quy trình này phát triển lên mức không chỉ áp dụng Kaizen nhằm phát triển công nghiệp mà còn cải thiện năng suất dịch vụ công cộng và quản lý tiện ích như năng lượng hoặc chăm sóc sức khỏe.

Phương pháp Kaizen đã được giới thiệu ở Singapore theo yêu cầu của quốc gia này và hiện đang được nghiên cứu làm mô hình hỗ trợ quá trình chuyển đổi kinh tế của đất nước.<sup>10</sup> Sáng kiến ở Singapore bao gồm quy trình ba bên giữa chính phủ, ngành công nghiệp

và các tổ chức lao động, đồng thời hưởng lợi từ quyết tâm mạnh mẽ của Thủ tướng Singapore. Ở Thái Lan, cách tiếp cận này cũng được thực hiện từ năm 1994 đến năm 2001, thông qua Dự án Cải thiện Năng suất và Chất lượng.<sup>11</sup>

Tương tự, Tây Ban Nha, Brazil và Mexico đã sử dụng hệ thống quản lý chất lượng để tích hợp các tiêu chuẩn quốc gia nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong cộng đồng DNVVN. Hình 9 mô tả mô hình mà ngành xây dựng Tây Ban Nha đã giới thiệu để hỗ trợ các công ty Tây Ban Nha đổi mới sáng tạo.<sup>12</sup>

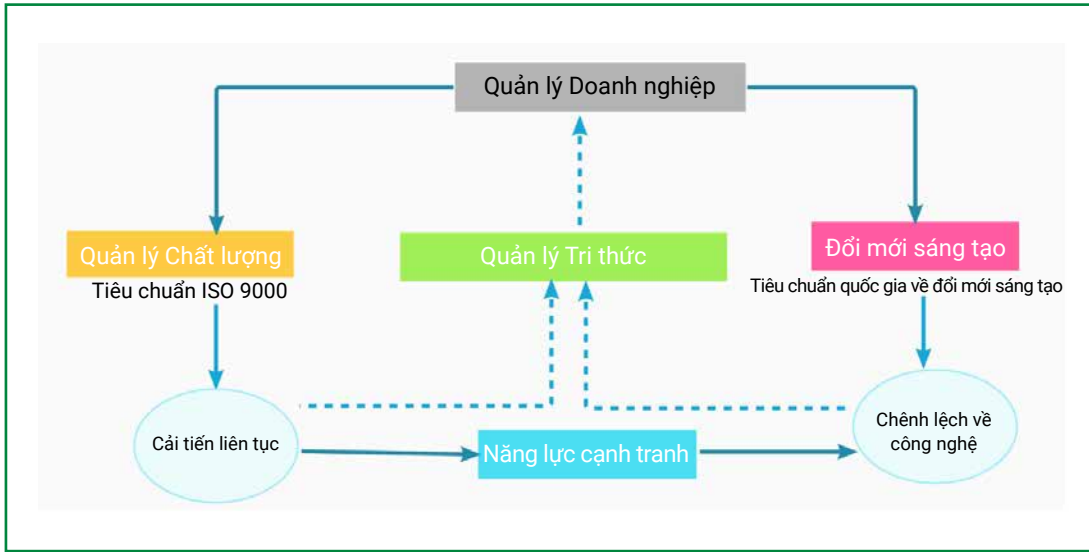
9.- Vai trò của Kaizen trong chuyển đổi kinh tế. Viện Phát triển Hải ngoại, 2016.

10.- Vai trò của Kaizen trong chuyển đổi kinh tế. Viện Phát triển Hải ngoại, 2016.

11.- Sách đã dẫn

12.- Universitat Politècnica de Valencia, Tiêu chuẩn hóa đổi mới trong ngành xây dựng Tây Ban Nha, 2006.

**Hình 10:** Tây Ban Nha sử dụng chất lượng để đổi mới trong ngành xây dựng



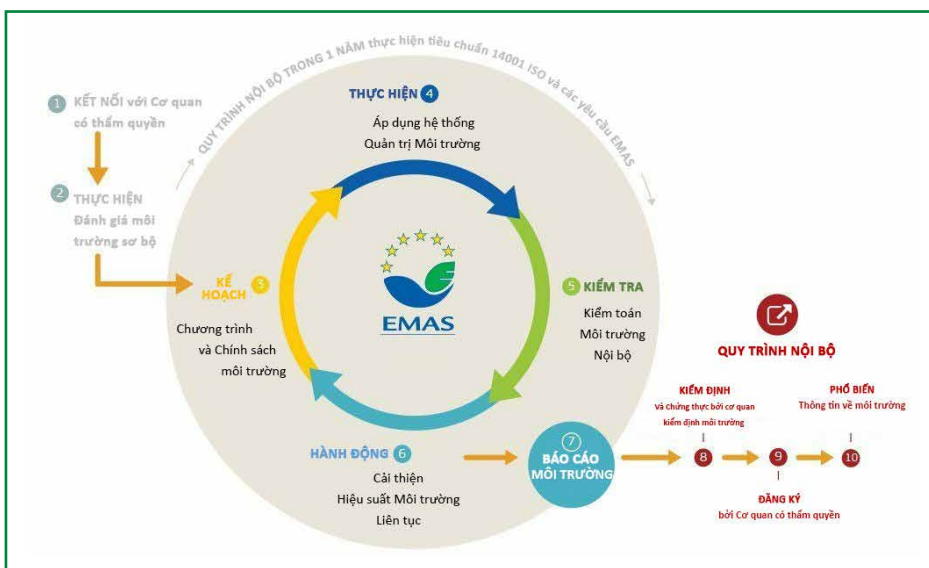
Nguồn: Đại học Politècnica de Valencia, được thiết kế lại bởi ITC 2022.

## Hệ thống quản lý môi trường

Lập kế hoạch, Thực hiện, Kiểm tra, Hành động là công cụ đơn giản nhưng được sử dụng rộng rãi trong việc đảm bảo quản lý chất lượng, sau đó cũng được điều chỉnh thành công cụ quản lý môi trường. Chính quyền quốc gia, khu vực và/hoặc địa phương có thể sử dụng công cụ này để cung cấp cho cộng đồng doanh nghiệp công cụ thiết thực trong việc thực thi và giám sát các mục tiêu môi trường.

Chẳng hạn, công cụ này được nhiều ngành và tổ chức, như Đề án kiểm tra và quản lý sinh thái của Liên minh châu Âu (EMAS) của Ủy ban châu Âu điều chỉnh để các công ty và tổ chức khác sử dụng trong việc đánh giá, báo cáo và cải thiện hiệu quả môi trường, bên cạnh việc sử dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO (Hình 10).

**Hình 11:** Liên minh châu Âu sử dụng Hệ thống quản lý môi trường



Nguồn: Đề án Kiểm tra và Quản lý Sinh thái của Liên minh Châu Âu (EMAS)

## Vài điểm chính rút ra

- Đa dạng hóa xuất khẩu và nâng cao chất lượng sản phẩm có mối quan hệ tỉ lệ thuận.
- Một số nghiên cứu đã chứng minh hệ thống quản lý chất lượng toàn diện có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Các công cụ quản lý chất lượng được chính phủ các quốc gia sử dụng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và được khu vực tư nhân sử dụng để nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh.
- Kaizen là mô hình kiểm soát chất lượng và phát triển sản phẩm có nguồn gốc từ Nhật Bản.
- Một lợi thế quan trọng của Kaizen là thường không yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư thêm.
- Trong những năm gần đây, các ứng dụng Kaizen đang chuyển từ việc triển khai do khu vực tư nhân lãnh đạo (như trường hợp ban đầu là các công ty Nhật Bản sử dụng Kaizen đầu tiên) sang do khu vực công lãnh đạo.
- Phương pháp Kaizen được giới thiệu ở Singapore theo yêu cầu của quốc gia này và hiện đang được nghiên cứu như một mô hình hỗ trợ quá trình chuyển đổi kinh tế của đất nước.
- Tương tự, Tây Ban Nha, Brazil và Mexico đã sử dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm tích hợp các tiêu chuẩn quốc gia để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong cộng đồng DNVVN.
- Phát triển chính sách chất lượng quốc gia với sự tham gia của các bên liên quan khác nhau.
- Lập kế hoạch, Thực hiện, Kiểm tra, Hành động là công cụ đơn giản nhưng được sử dụng rộng rãi để bảo vệ chất lượng và môi trường.
- Đề án Kiểm tra và Quản lý Sinh thái của Liên minh Châu Âu (EMAS) của Ủy ban Châu Âu dành cho các công ty và các tổ chức khác để đánh giá, báo cáo và cải thiện hoạt động môi trường của họ, cùng với Hệ thống Quản lý Môi trường ISO.

# Bối cảnh trong nước

## Chính sách và Kế hoạch Phát triển về Chất lượng

Chiến lược xuất nhập khẩu quốc gia Việt Nam năm 2021-2030 đã kiên quyết nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, trách nhiệm xã hội và môi trường, chủ động thích ứng và vượt qua các rào cản thương mại, biện pháp phòng vệ thương mại ở thị trường nước ngoài.<sup>13</sup>

Để đạt mục tiêu, Chiến lược này chỉ rõ (1) xây dựng năng lực và tăng cường công tác giám sát, nghiên cứu thị trường, dự báo và cập nhật những thay đổi về chính sách thương mại, hàng rào phi thuế quan của thị trường xuất khẩu, (2) đẩy mạnh xây dựng và áp dụng hệ thống Tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và

khu vực, bao gồm tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn xã hội và môi trường và (3) hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng và đạt được các chứng chỉ về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế của thị trường mục tiêu nước ngoài.<sup>14</sup>

Chiến lược cũng đề cập đến việc nâng cao năng lực của Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQG) của Việt Nam bao gồm các tổ chức kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận, phòng xét nghiệm quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, làm cơ sở thực hiện đánh giá tính phù hợp của hàng hóa xuất khẩu với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực và tư nhân.<sup>15</sup>

## Chế độ pháp lý và quy định

Khung pháp lý của Việt Nam cho NQG có ba luật cơ bản: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006), Luật Chất lượng sản phẩm (2008), Luật Đo lường (2012) và các luật, quy định khác có liên quan. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật<sup>16</sup> năm 2006 vẫn là cơ sở pháp lý chính cho các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và tìm cách thúc đẩy sự hài hòa hóa giữa các tiêu chuẩn quốc gia với các tiêu chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài phải được dùng làm cơ sở xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp không phù hợp với Việt Nam (do đặc điểm địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ) hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia.

Chính phủ cũng phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030. Chương trình quốc gia được xây dựng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp

nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống quản lý.<sup>17</sup>

Trong chương trình này, chính phủ đặt ra nhiều mục tiêu cụ thể cho giai đoạn tới. Cụ thể, giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu tỷ lệ hài hòa hóa giữa hệ thống tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt khoảng 65%. Dự án cũng đặt mục tiêu đào tạo và cấp chứng nhận cho khoảng 600 chuyên gia tư vấn năng suất chất lượng tại các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.<sup>18</sup>

Trong giai đoạn 2026-2030, Việt Nam phấn đấu đạt tỷ lệ hài hòa hóa ở mức 70-75% và đào tạo, cấp chứng nhận đạt chuẩn cho khoảng 1.000 chuyên gia, trong đó khoảng 200 chuyên gia được cấp chứng chỉ đạt trình độ khu vực và quốc tế.

13.- Chiến lược xuất nhập khẩu quốc gia Việt Nam 2021-2030.

14.- Sách đã dẫn.

15.- Sách đã dẫn.

16.- Luật số 68/2006/QH11, sửa đổi bởi Luật số 35/2018/QH14.

17.- Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030.

18.- Thủ tướng Phúc phát động chiến dịch toàn quốc hỗ trợ doanh nghiệp MẠNG TIN tức Châu Á, 2020



Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hiện cũng đang soạn thảo Kế hoạch xây dựng Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với các mục tiêu: (1) Nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam, (2) Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội chung cũng như chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể, (3) Đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà nước trong từng lĩnh vực, (4) Nâng cao tính hài hòa hóa giữa TCVN với các Tiêu chuẩn quốc tế và Tiêu chuẩn khu vực.<sup>19</sup>

## Tiêu chuẩn hóa

Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm hơn 9.500 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN). Hiện nay, trên 47% tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam đã hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.<sup>20</sup>

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 đánh dấu một bước ngoặt đối với hoạt động tiêu chuẩn hóa ở Việt Nam và cải cách toàn diện hệ thống này. Theo luật này, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được đơn giản hóa thành hai cấp độ: tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và tiêu chuẩn của tổ chức (TCCS); quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP). Luật cũng xác định rõ Bộ KH&CN là cơ quan chịu trách nhiệm ban hành và quản lý tiêu chuẩn quốc gia, còn các cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.<sup>21</sup>

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (STAMEQ) thuộc Bộ KH&CN là cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia. Bộ KH&CN chịu trách nhiệm công bố tiêu chuẩn quốc gia trên trang web của Tổng cục TCĐLCL, cập nhật các tiêu chuẩn có hiệu lực ở Việt Nam và hợp tác với các bộ khác xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm và dịch vụ thuộc lĩnh vực trong thẩm quyền.<sup>22</sup>

Đến nay, hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã ban hành hơn 800 quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) và 30 tiêu chuẩn địa phương (QCDP), trong đó ngày càng khẳng định vai trò, vị thế là công cụ quản lý hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế trong quản lý phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước hoạch định, xây dựng và thực thi hiệu quả các chính sách công, chương trình mục tiêu quốc gia (ô tô, xe máy, gang thép, nhiên liệu



Links, Lab of SGS.jpg

sinh học, an ninh mạng, an toàn thực phẩm, nước sinh hoạt, ô nhiễm môi trường) kiểm soát, v.v.).<sup>23</sup>

Theo báo cáo Rà soát chính sách thương mại của WTO (TPR) về Việt Nam năm 2020, Việt Nam có tổng cộng 12.888 TCVN đang có hiệu lực, trong đó 60% tiêu chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài (tăng từ 40% năm 2013), bao phủ hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Bảng 1 cho thấy danh mục Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam (TCVN) theo lĩnh vực và số lượng tiêu chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn ISO.

19.- Dự thảo Kế hoạch tổng thể xây dựng Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, TCĐLCL, 2022

20.- Hướng dẫn Thương mại Quốc gia Việt Nam, Bộ Thương mại Hoa Kỳ, Cục Quản lý Thương mại Quốc tế, 2021

21.- Sách đã dẫn.

22.- Sách đã dẫn.

23.- TCĐLCL

**Bảng 1:** Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam (TCVN) theo lĩnh vực

Mã Lĩnh vực	Tổng số Tiêu chuẩn (cập nhật ngày 8/7/2022)	ISO, ISO/IEC, ISO/ASIM
65 – NÔNG NGHIỆP	908	216
67 – CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM	1704	616
21 – HỆ THỐNG VÀ CẤU TRÚC CƠ KHÍ	411	125
39 – CƠ KHÍ CHÍNH XÁC	21	14
25 – CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN	528	345
77 – LUYỆN KIM	470	282
71 – CÔNG NGHỆ HÓA HỌC	430	224
73 – KHAI KHOÁNG	285	138
75 – CÔNG NGHỆ DẦU KHÍ VÀ CÁC NGÀNH LIÊN QUAN	383	118
59 – CÔNG NGHỆ DỆT MAY VÀ DA DÀY	415	293
61 – MAY MẶC	102	80
31 – ĐIỆN TỬ	141	
33 – VIỄN THÔNG	179	3
27 – NĂNG LƯỢNG VÀ TRUYỀN TẢI NHIỆT	167	102
13 – MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE	1252	753
11 – CÔNG NGHỆ Y TẾ	431	191
91 – VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ Ở	834	153
03 – DỊCH VỤ, TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ CHẤT LƯỢNG, XÃ HỘI HỌC QUẢN LÝ	267	235

**Nguồn:** Dự thảo Kế hoạch tổng thể xây dựng Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, TCDLCL, 2022.

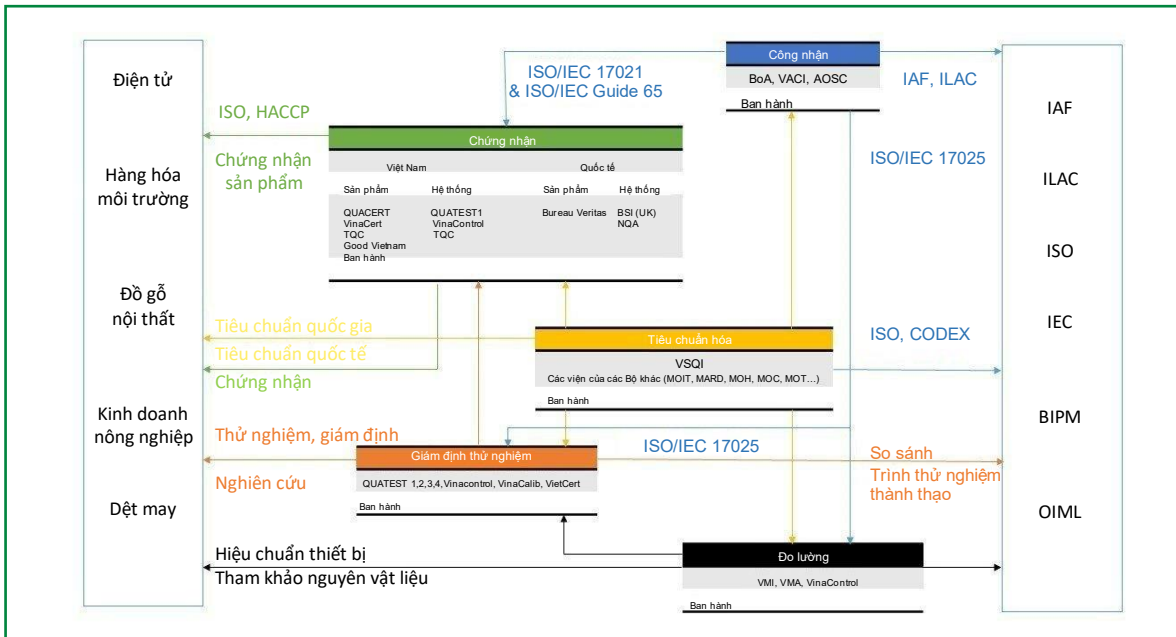
## Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam (NQI)

Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) của Việt Nam đến nay đã trở thành nền tảng vững chắc, không chỉ giúp các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua các rào cản kỹ thuật thương mại tại thị trường nước ngoài, mà còn nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu khi nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, kích thích đổi mới sáng tạo và tăng năng suất.<sup>24</sup>

Nhìn chung, Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) của Việt Nam cho thấy sự tham gia tích cực của các bên tư nhân, nhà nước và quốc tế trong hệ sinh thái bao gồm các cơ quan chính phủ, hiệp hội doanh nghiệp, nhà cung cấp dịch vụ và tổ chức nghiên cứu.

24.– Lee, M. (2022). Chuyển đổi số về đo lường trong NQI. Hà Nội NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022..

**Figure 12: Vietnam's National Quality Infrastructure**



**Nguồn:** Hạ tầng chất lượng quốc gia của Việt Nam, năm 2022 dựa trên khảo sát của tác giả, được xác thực bằng thông tin của VSQI

Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (VSQI) là cơ quan trực thuộc của tổng cục TCĐLCL và chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động của Ủy ban kỹ thuật quốc gia (TCVN/TC) - xây dựng, xuất bản và ban hành tiêu chuẩn quốc gia và cung cấp các dịch vụ liên quan khác. Viện phối hợp với các bộ/cơ quan có liên quan trong nước, cũng như tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc gia và quốc tế.

Theo tổng cục TCĐLCL, có bốn tổ chức chứng nhận sản phẩm: QUATEST1, QUATEST2, QUATEST3 và QUACERT (Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Việt Nam). QUACERT cung cấp dịch vụ chứng nhận cho các tổ chức và cá nhân tuân thủ các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận

hoặc các thông số kỹ thuật khác, bao gồm chứng nhận hệ thống quản lý và chứng nhận sản phẩm. Tổng cục TCĐLCL cũng đã thành lập 139 ủy ban tiêu chuẩn kỹ thuật (TSC), với hơn 1.100 chuyên gia tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế trong các lĩnh vực khác nhau.<sup>25</sup>

Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) được thành lập năm 1995 trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) thuộc Bộ KH&CN. Tất cả các tổ chức đánh giá tính phù hợp (CAB) hoạt động tại Việt Nam đều đăng ký tại tổng cục TCĐLCL.

## Dịch vụ đánh giá tính phù hợp

Trong lĩnh vực đánh giá tính phù hợp và công nhận, Việt Nam đã ban hành hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Việt Nam cũng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đánh giá tính phù hợp. Hiện Việt Nam có 731 tổ chức kiểm nghiệm, 179 tổ chức chứng nhận bao gồm tổ chức chứng nhận sản phẩm và cơ quan chứng nhận hệ thống quản lý. Khoảng 79 tổ chức giám định và 116 tổ chức kiểm định của Việt Nam đã được cấp phép đăng ký theo

các điều khoản của luật liên quan.<sup>26</sup> Đến năm 2020, Hệ thống công nhận phòng kiểm nghiệm, hiệu chuẩn của Việt Nam (VILAS) công nhận khoảng 1.326 phòng xét nghiệm, trong đó có 7 phòng xét nghiệm nước ngoài. Chương trình công nhận Tổ chức chứng nhận (VCAS) công nhận 72 tổ chức chứng nhận và Hệ thống Công nhận Tổ chức giám định Việt Nam (VIAS) công nhận 84 tổ chức giám định<sup>27</sup>.

Thực hiện Luật Đo lường và các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, đến nay, Bộ KH&CN đã ban hành nhiều thông

25.- vi.nhandan.com.vn. (2020). Khoảng 60% tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam đã hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

26.- WT/TPR/G/410 • Việt Nam

27.- WT/TPR/G/410 • Việt Nam



tu, tổ chức xây dựng và phê duyệt 32 tiêu chuẩn đo lường quốc gia, cũng như xây dựng 332 văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam về quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm nghiệm phương tiện và tiêu chuẩn đo lường.<sup>28</sup>

Hiện nay, Viện Đo lường Việt Nam (VMI) đã xây dựng và hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ giám định, hiệu chuẩn, kiểm nghiệm gồm 520 tổ chức được chỉ định với hơn 4000 kiểm định viên đo lường, cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm nghiệm phương tiện và tiêu chuẩn đo lường cho các doanh nghiệp Việt Nam, góp phần nâng

cao năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh hướng tới mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước<sup>29</sup>.

Ngoài các tổ chức công, còn có một số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân về đánh giá tính phù hợp, chẳng hạn Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc và SGS của Thụy Sĩ. Bảng 1Bảng 2 IT danh sách tất cả các tổ chức, dịch vụ lớn và xếp hạng chung về nhận định/uy tín của các tổ chức trên một số lĩnh vực hoạt động nhất định, từ thấp (T), trung bình (TB) và cao (C), dựa trên tham vấn với các bên liên quan.

**Bảng 2: Các tổ chức và dịch vụ NQI Việt Nam**

Tên Bộ	Tên tổ chức	Mô tả chức năng và dịch vụ	Phối hợp	Nhân lực	Tính bền vững tài chính	Giao tiếp
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Tiêu Chuẩn Chất Lượng Việt Nam (VSQI)	Chuẩn hóa, Chứng nhận, Thử nghiệm	TB	TB	T	TB
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Việt Nam (QUACERT)	Chứng nhận, Thử nghiệm	TB	TB	T	T
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,2,3 (QUATEST 1,2,3)	Thử nghiệm	TB	TB	T	T
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Đo lường Việt Nam (VMI)	Đo lường	TB	TB	TB	TB
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Năng suất Việt Nam (VNPI)	Hệ thống quản lý chất lượng	TB	TB	hH	TB
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp vừa và nhỏ 1,2 (SMEDEC 1,2)	Hệ thống quản lý chất lượng	TB	TB	TB	TB
Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Công nhận chất lượng (BOA)	Công nhận	C	TB	TB	C
Văn phòng TBT Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn phòng TBT Việt Nam	Điểm hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), đào tạo, thông tin về thị trường xuất khẩu	C	TB	TB	C
Tập đoàn Vinacontrol	VinaControl (tiền thân là Cục Giám định hàng hóa XNK thuộc Bộ Thương mại, nay là Bộ Công Thương)	Giám định, Thử nghiệm & Phân tích, Đánh giá và Chứng nhận, Xác minh & Hiệu chuẩn	C	C	C	C
Bộ Công Thương (BCT)	Cục Xúc tiến Thương mại	Hoạt động xúc tiến xuất khẩu, đào tạo, thông tin thị trường xuất khẩu	C	C	C	c
Văn phòng SPS Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNN)	Văn phòng SPS Việt Nam	Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh và Biện pháp kiểm dịch thực vật (SPS), Đào tạo, Thông tin về thị trường xuất khẩu	C	TB	TB	C
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	VCCI	Đào tạo, Thông tin thị trường xuất khẩu	C	C	C	C
Tập đoàn BSI	BSI Việt Nam	Tiêu chuẩn hóa, Đào tạo, Kiểm tra, Đánh giá và Chứng nhận	C	C	C	C
Tập đoàn SGS	SGS Việt Nam	Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận	C	C	C	C
BUREAU VERITAS Group	BUREAU VERITAS Việt Nam	Thử nghiệm, Giám định, Chứng nhận	C	C	C	C

**Nguồn:** ITC, dựa trên tham vấn các bên liên quan, 2022.

28.– Lee, M. (2022). Chuyển đổi số về đo lường trong NQI. Hà Nội NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.

29.– Sách đã dẫn.

# Hạn chế về năng lực cạnh tranh

## Tổng quan về các hạn chế

### VẤN ĐỀ Ở CẤP DOANH NGHIỆP

- Các công ty non trẻ khó đạt được chứng chỉ đảm bảo chất lượng;
- Chứng chỉ bền vững và/hoặc bảo vệ môi trường rất ít phổ biến trong các ngành
- Doanh nghiệp không biết và/hoặc không tiếp cận được công cụ thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu nhập khẩu của thị trường nước ngoài do rào cản về ngôn ngữ và trình độ kỹ thuật.
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ không chủ động trong việc quản lý chất lượng vì họ chủ yếu xin chứng nhận để đáp ứng yêu cầu bên mua nếu có phát sinh.
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ không tham gia tích cực soạn thảo dự thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia (TCVN, QCVN) hay các luật và chính sách khác có liên quan.

### VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Thiếu chương trình công về quản lý chất lượng và quản lý môi trường.
- Sáng kiến và chương trình cải tiến chất lượng hiện hành không đến được với phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Các tổ chức công có năng lực và nguồn lực hạn chế để cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo giá rẻ về chất lượng, tiêu chuẩn và chứng nhận cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Hợp tác công tư để cung cấp thông tin, đào tạo và huấn luyện còn hạn chế.
- Các cơ quan quốc gia chưa được quốc tế công nhận hay thừa nhận.
- Các đơn vị kiểm nghiệm hiện có, quy trình kiểm nghiệm khác nhau giữa các địa phương trên toàn quốc, và độ tin cậy của kết quả kiểm nghiệm không đáng tin cậy giữa các đơn vị.

### VẤN ĐỀ Ở CẤP QUỐC GIA

- Hệ sinh thái của hạ tầng chất lượng quốc gia liên kết chưa đủ mạnh để hỗ trợ mục tiêu quốc gia về tăng trưởng xanh và chu trình kinh tế.
- Cơ sở luật và quy định lỗi thời

## Vấn đề ở cấp doanh nghiệp

Các công ty non trẻ khó đạt được chứng chỉ đảm bảo chất lượng.<sup>30</sup> Công ty khởi nghiệp và mới thành lập thường không có đủ kiến thức và nhận thức về tầm quan trọng của tiêu chuẩn, chất lượng, chứng nhận và tiện ích của hệ thống quản lý chất lượng đối với tăng trưởng liên quan đến xuất khẩu. Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, chưa quan tâm nhiều đến vấn đề về rào cản kỹ thuật và yêu cầu tại thị trường xuất khẩu, nhất là do hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất hàng hóa phục vụ trong nước, làm nhà thầu phụ cho các công ty sản xuất có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc chuyển sang xuất khẩu vào các thị trường dễ tính hầu như không có giá trị gia tăng.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.1.1, 2.2.2

Các chứng chỉ về tính bền vững và/hoặc bảo vệ môi trường rất ít phổ biến trong các ngành. Do đó, họ chưa được định hướng hiệu quả hoặc chưa tập trung đầu tư cho các hoạt động đổi mới sản xuất, nâng cao chất lượng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường, điều này dẫn cản trở nâng cao giá trị gia tăng và thâm nhập sâu hơn vào các thị trường nước ngoài khó tính nhất.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.2.2., 1.3.1

Doanh nghiệp không biết và/hoặc không tiếp cận được công cụ thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu nhập khẩu của thị trường nước ngoài do rào cản về ngôn ngữ và trình độ kỹ thuật. Có nhiều công cụ/cổng thông tin thương mại về thông tin thị trường và yêu cầu do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp, chẳng hạn như cổng thông tin SPS của Bộ NN&PTNT

và cổng thông tin TBT của Bộ KH&CN. Tuy nhiên, doanh nghiệp vừa và nhỏ thường không chủ động hoặc không biết hoặc không sử dụng các công cụ hiệu quả này, nhất là khi những công cụ này chủ yếu trình bày bằng tiếng Anh và không nêu cụ thể lĩnh vực hoặc sản phẩm. Lý do chính thường là vì doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu nhân sự có trình độ ngôn ngữ hoặc kỹ thuật.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.3.1, 2.3.2

Doanh nghiệp vừa và nhỏ không chủ động quản lý chất lượng vì họ chủ yếu xin các chứng nhận để đáp ứng yêu cầu bên mua nếu có phát sinh.<sup>31</sup> Để xuất khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ phần lớn dựa vào việc thuê các tổ chức thứ ba được quốc tế công nhận để đánh giá tính phù hợp theo yêu cầu bên mua. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có nguồn lực và khả năng hạn chế khó kham nổi chi phí dịch vụ nằm ngoài nhu cầu bên mua hoặc khám phá các phân khúc thị trường mới tiềm năng. Khả năng tiếp cận các đơn vị đánh giá tính phù hợp tại công ty và/hoặc ở các vùng nông thôn còn hạn chế.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.2.2, 2.2.3, 2.3.1, 2.3.2, 3.2.2

Doanh nghiệp vừa và nhỏ không tham gia tích cực việc soạn thảo dự thảo tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia (TCVN, QCVN) hay các luật và chính sách khác có liên quan. Doanh nghiệp vừa và nhỏ nhìn chung chưa tích cực tham gia hỗ trợ các cơ quan nhà nước soạn thảo, xây dựng hệ thống “Tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia” (TCVN, QCVN) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.1.1

## Vấn đề môi trường kinh doanh

Thiếu chương trình công về quản lý chất lượng và quản lý môi trường. Mặc dù có vài chương trình do chính phủ hoặc các tổ chức nước ngoài tài trợ, những chương trình này vẫn còn hạn chế do chưa đến được phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ có quy mô lớn, cần được đào tạo để khai triển giải pháp toàn diện. Ví dụ, các công ty không được trang bị đầy đủ kiến thức mới về việc sử dụng EMS để đổi mới và phát triển bền vững.

Sáng kiến và chương trình cải tiến chất lượng hiện hành không đến được với phần lớn doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Mặc dù mỗi năm nhiều bộ thực hiện các dự án đào tạo kỹ thuật nâng cao năng lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ về hệ thống quản lý chất lượng, hoạt động sản xuất và xuất khẩu, tính hiệu quả và bền vững của các dự án này còn hạn chế do chưa đến được đại đa số doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các dự án này thường không thể tư vấn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện các giải pháp “từ A đến Z”. Ngoài ra, doanh nghiệp vừa và nhỏ thường khó duy trì tính chủ động và không còn được hướng dẫn sau khi các dự án hỗ trợ kết thúc.

30.– Khảo sát năng lực cạnh tranh dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của ITC năm 2022 đối với 500 công ty trong các lĩnh vực NES ưu tiên.

31.– Khảo sát năng lực cạnh tranh dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của ITC năm 2022 đối với 500 công ty trong các lĩnh vực NES ưu tiên.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.1.1, 2.1.3

Các tổ chức công có năng lực và nguồn lực hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo giá rẻ về chất lượng, tiêu chuẩn và chứng nhận cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dù các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp công lập thiết lập hệ sinh thái đầy đủ các dịch vụ đánh giá tính phù hợp cho doanh nghiệp (cụ thể là các tổ chức thuộc Tổng cục TCĐLCL), nhưng họ không thể đáp ứng tất cả nhu cầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ (chất lượng và số lượng) do thiếu nguồn lực (số lượng cơ sở thử nghiệm và hiệu chuẩn) và thiếu năng lực (chuyên gia/kiểm toán viên được chứng nhận).

Các dịch vụ công hỗ trợ doanh nghiệp đạt chủ yếu chứng nhận trong nước (TCVN, QCVN) nhưng các chứng nhận này không được chấp thuận ở thị trường nước ngoài. Vì các công ty cung cấp dịch vụ quốc tế có đầy đủ các dịch vụ trả phí, nên các cơ quan cung cấp dịch vụ công ở Việt Nam thường tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đạt chứng nhận (TCVN) trong nước mà thị trường nước ngoài không công nhận. Trong khi đó, các tổ chức hỗ trợ thương mại quốc tế có chi phí chứng nhận và đào tạo/huấn luyện tương đối cao hơn lại thích hợp hơn cho các công ty sản xuất và xuất khẩu lớn.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.1.1 to 2.2.1

Hợp tác công tư để cung cấp thông tin, đào tạo và huấn luyện còn hạn chế. Công ty dịch vụ tư nhân năng động và linh hoạt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường nhưng thiếu nguồn lực và năng lực, vẫn phụ thuộc một phần vào các tổ chức hỗ trợ thương mại công ở một số mặt như thử nghiệm, giám định, và chứng nhận. Mỗi liên kết và hợp tác giữa khu vực công tư hay ngay cả mỗi liên kết trong khu vực công, trong hạ tầng chất lượng quốc gia còn hạn chế hoặc lỏng lẻo.

## Vấn đề ở cấp quốc gia

Hệ sinh thái của hạ tầng chất lượng quốc gia liên kết chưa đủ mạnh để hỗ trợ mục tiêu quốc gia về tăng trưởng xanh và chu trình kinh tế. Khung pháp lý hiện hành cần phát triển và/hoặc thay đổi theo các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc gia để có thể hỗ trợ thực hiện, đánh giá và giám sát hoạt động tăng trưởng xanh và chu trình kinh tế. Sự chậm trễ một phần do gần đây xuất hiện nhiều tiêu chuẩn quốc tế về các khái niệm này, nên chính phủ các quốc gia phải cập nhật và thay đổi cho thích hợp.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.2.1

Cơ sở pháp luật và quy định về chất lượng, tiêu chuẩn, chứng nhận lạc hậu, vì đã ban hành được 10-15 năm.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 2.1.2

Các cơ quan quốc gia chưa được quốc tế công nhận hay thừa nhận. Dù đạt được nhiều tiến bộ, Việt Nam còn thiếu chuyên gia, cơ quan, tổ chức được quốc tế công nhận. Nhìn chung, một số cơ quan tổ chức trong nước được quốc tế công nhận. Hầu hết công ty dịch vụ của Việt Nam đều được công nhận bởi Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) nhưng thiếu Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau (MRA) với các tổ chức công nhận quốc tế khác. Bên cạnh đó, các tổ chức hỗ trợ thương mại công và tư trong Việt Nam vẫn thiếu chuyên gia đạt chứng chỉ quốc tế, có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng tiêu chuẩn xuất khẩu hỗ trợ doanh nghiệp tại các thị trường mục tiêu ở nước ngoài.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.3.1 to 1.3.2.

Các đơn vị kiểm nghiệm hiện có, quy trình kiểm nghiệm khác nhau giữa các địa phương trên toàn quốc, và độ tin cậy của kết quả kiểm nghiệm không đáng tin giữa các đơn vị. Kết quả kiểm nghiệm trên cùng một mẫu giữa các đơn vị trong nước và quốc tế có sự sai biệt rất lớn. Thậm chí, kết quả kiểm nghiệm giữa các đơn vị trong nước cũng cho kết quả rất khác nhau, kết quả thử nghiệm của các đơn vị thử nghiệm khác nhau trên cùng một mẫu có thể chênh lệch rất lớn. Do đó, công ty sản xuất hoặc xuất khẩu của Việt Nam, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, phải gửi mẫu sản phẩm đến phòng xét nghiệm được quốc tế công nhận để kiểm nghiệm với chi phí cao hơn.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.3.2.

Do có phần lạc hậu, các luật và quy định này chưa đáp ứng nhu cầu và yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn.

- Tham khảo Kế hoạch hành động: Hoạt động: 1.1.2

# Con đường phía trước

Phần này đưa ra khung chiến lược về tiêu chuẩn, chứng nhận và chiến lược cải thiện chất lượng, gồm thông điệp tầm nhìn, mục tiêu chiến lược và hành động làm xương sống cho Kế hoạch Hành động (PoA).

## Tầm nhìn

Để hướng dẫn thực hiện chiến lược trong 5 năm tới, thông điệp tầm nhìn dưới đây được xây dựng và thống nhất bởi các bên liên quan tham gia tham vấn xây dựng chiến lược.<sup>32</sup> Thông điệp này cũng thể hiện tham vọng của Việt Nam cùng sự đồng thuận giữa các bên liên quan về vai trò của xuất khẩu trong nền kinh tế.

*“Thông lệ quản lý chất lượng của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam và quản trị chất lượng quốc gia được trang bị để hỗ trợ thực hiện sáng kiến mới giúp môi trường bền vững mới.”*

Các tiêu chuẩn, chứng nhận và chiến lược chất lượng nằm ngay trong mục tiêu chiến lược thứ hai của chiến lược thương mại cấp quốc gia. Chiến lược này nhằm đa dạng hóa và mở rộng phạm vi điểm đến xuất khẩu của Việt Nam với mục tiêu hành động nhằm:

*... thúc đẩy cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ bằng cách đảm bảo các công ty Việt Nam nhận thức được yêu cầu chứng nhận của các thị trường mục tiêu và nhận được hỗ trợ phù hợp. Nhận thức về tiêu chuẩn sản phẩm riêng hoặc tiêu chuẩn được quốc tế công nhận là yếu tố quan trọng để đánh giá tính khả thi và khả năng thành công thương mại của hoạt động xuất khẩu.*

## Khung chiến lược

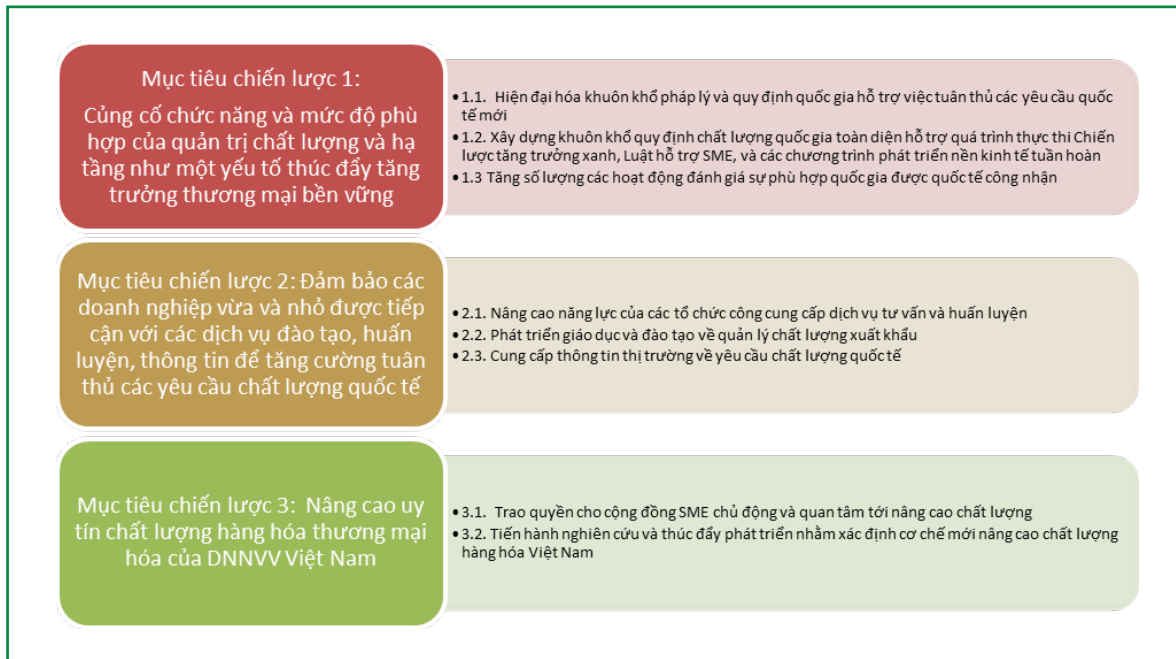
Nhận thức và tuân thủ quy chuẩn và tiêu chuẩn sản phẩm của nước ngoài là một trong những rào cản thương mại phổ biến nhất, nhất là với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên thực tế, các công ty sản xuất cần hiểu yêu cầu của từng địa phương để có khả năng sản xuất, tiếp thị và đưa sản phẩm của họ vào thị trường.

Chiến lược này nhằm tăng khả năng cạnh tranh xuất khẩu của Việt Nam bằng cách nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và dịch vụ hỗ trợ quản lý chất lượng theo cách tiếp cận có hiệu quả kinh tế cho cả doanh nghiệp và dịch vụ công. Chiến lược này cũng nhằm hỗ trợ phát triển thương mại bền vững thông qua hiện đại hóa quản trị chất lượng cấp quốc gia và nâng cao năng lực hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quốc tế về phát triển bền vững và hỗ trợ chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh.

Chiến lược được xây dựng xung quanh các biện pháp quản lý chất lượng có chi phí thấp có thể đạt được ở cấp doanh nghiệp, gồm nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng quốc gia và cải thiện dịch vụ kinh doanh công.

Mục tiêu chiến lược xác định quan điểm chủ đạo dẫn dắt chiến lược đạt được tầm nhìn đã đề ra. Kế hoạch hành động sẽ đáp ứng tầm nhìn bằng cách giải quyết các hạn chế khi đổi mới và tận dụng cơ hội một cách toàn diện. Để đạt được mục tiêu này, như hình dưới, ba mục tiêu chiến lược được xác định trong quá trình tham vấn với các bên liên quan trong Việt Nam:

32.– Các cuộc tham vấn này diễn ra trực tuyến và trực tiếp từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2022.

**Hình 13: Mục tiêu chiến lược và thực hiện**

## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 1. CÙNG CỐ CHỨC NĂNG VÀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP TRONG VIỆC QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỂ TRỞ THÀNH YẾU TỐ THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG THƯƠNG MẠI BỀN VỮNG

Mục tiêu chiến lược này tập trung xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa chất lượng và phát triển thương mại, trọng tâm là kết hợp công tư để đáp ứng các yêu cầu mới của thị trường quốc tế mà luật pháp chưa theo kịp do được soạn thảo từ hơn 10 năm trước.

Có ba mục tiêu hành động:

### 1.1. Hiện đại hóa khung pháp lý và quy định quốc gia để hỗ trợ tuân thủ các yêu cầu mới của quốc tế

Mục tiêu này có nội dung xây dựng chính sách chất lượng quốc gia đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại và khu vực tư nhân bằng cách cải thiện hợp tác giữa bộ KH&CN và bộ Công Thương để thu thập thông tin đầu vào từ nhiều bên liên quan, nhất là từ cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mục tiêu này cũng tập trung cập nhật khung pháp lý quản trị cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia theo các yêu cầu quốc tế mới về tính bền vững môi trường.

### 1.2. Xây dựng khung quy định chất lượng quốc gia toàn diện nhằm hỗ trợ thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, và chương trình phát triển chu trình kinh tế.

Mục tiêu này có nội dung xây dựng năng lực của các nhà hoạch định chính sách và tổ chức công để phát triển các tiêu chuẩn mới, quy chuẩn kỹ thuật, và đơn vị đánh giá tính phù hợp cho hàng hóa và dịch vụ mới, được phát triển theo một số chương trình phát triển mới.

### 1.3. Tăng số lượng cơ sở đánh giá tính phù hợp được quốc tế công nhận

Mục tiêu này có nội dung đảm bảo cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia phù hợp với khung pháp lý và quy chuẩn, cũng như cải thiện khả năng hấp thụ tăng trưởng xuất khẩu. Mục tiêu này còn tập trung giải quyết các hạn chế về khả năng tiếp cận, chứng nhận uy tín, và khả năng chi trả của các đơn vị đánh giá tính phù hợp bằng cách tăng nguồn cung chuyên gia được công nhận.



## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 2: ĐẢM BẢO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ ĐƯỢC TIẾP CẬN VỚI DỊCH VỤ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN, CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỂ NGÀY Càng ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Mục tiêu này có nội dung xây dựng môi trường hỗ trợ kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trọng tâm là tăng tính hiệu quả, khả năng chi trả và khả năng tiếp cận các dịch vụ.

Có ba mục tiêu ở cấp độ vận hành:

### 2.1. Nâng cao năng lực của các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và huấn luyện

Mục tiêu vận hành này nhằm cung cấp hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ bắt đầu xuất khẩu ở quy mô nhỏ thông qua nền tảng thương mại điện tử, đồng thời mục tiêu này còn tập trung cung cấp nhiều dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và huấn luyện hơn theo cách tiếp cận toàn diện "từ A đến Z" cho nhu cầu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 2.2. Phát triển giáo dục và đào tạo quản lý chất lượng hàng xuất khẩu

Mục tiêu này có nội dung tăng cường cung cấp chuyên gia quản lý chất lượng sẵn sàng làm việc với doanh nhân khởi nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ có tham vọng, cũng như đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng trở thành một phần nền tảng cho sinh viên theo ngành quản trị kinh doanh.

### 2.3. Cung cấp thông tin thị trường về yêu cầu chất lượng quốc tế

Mục tiêu này có mục đích phát triển nền tảng trực tuyến thành điểm đến cho mọi nhu cầu dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để khám phá các yêu cầu chất lượng phù hợp đối với sản phẩm ưu tiên tại thị trường mục tiêu, nhận hướng dẫn về các chủ đề liên quan đến chất lượng, chia sẻ các phương pháp thực hành hiệu quả nhất, và kết nối với tổ chức hoặc cá nhân có thể cung cấp hỗ trợ và học hỏi từ các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ khác.

## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC 3: NÂNG CAO DANH TIẾNG CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở VIỆT NAM

Mục tiêu này tập trung xây dựng chất lượng hàng hóa thông qua các cơ chế khác ngoài chứng nhận. Mục tiêu này nhấn mạnh vào những việc doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tự làm để cải thiện chất lượng và biện pháp khuyến khích họ chủ động áp dụng phương pháp cải tiến chất lượng hơn.

Có hai mục tiêu hành động:

### 3.1. Trao quyền cho cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ để họ chủ động và quan tâm cải tiến chất lượng

Mục tiêu này có nội dung đảm bảo doanh nghiệp vừa và nhỏ được cung cấp thông tin và được đào tạo về đóng gói và dán nhãn, vốn là những vấn đề thường bị bỏ qua hoặc không được ưu tiên khi xuất khẩu, cũng như khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ cải thiện và cạnh tranh giành các giải thưởng về chất lượng bằng cách trao thưởng cho họ cơ hội tiếp xúc với quốc tế thông qua chương trình xúc tiến thương mại cấp quốc gia.

### 3.2. Thực hiện nghiên cứu và phát triển để xác định cơ chế mới nâng cao chất lượng hàng hóa Việt Nam

Mục tiêu hành động này có nội dung thông báo cho các nhà hoạch định chính sách về cơ hội chưa được khai thác của chỉ dẫn địa lý trong việc định vị giá trị độc đáo của hàng hóa Việt Nam, bên cạnh cà phê và trà.





# Kế hoạch hành động

Để đạt được tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược ở trên, cần có kế hoạch hành động chiến lược mạnh mẽ, khả thi và thực tế. Kế hoạch hành động được cấu trúc theo ba mục tiêu chiến lược và các mục tiêu hành động tương ứng. Với mỗi mục tiêu, kế hoạch đưa ra các hoạt động chi tiết và phương thức thực hiện, bao gồm:

- Khung thời gian: Khung thời gian dự kiến cho hoạt động. Ngắn hạn (năm thứ nhất), Trung hạn (năm thứ hai và thứ ba), Dài hạn (năm thứ tư và thứ năm).
- Bên thực hiện: Một đến hai tổ chức dẫn đầu chịu trách nhiệm cho mỗi hoạt động và một số thành viên hỗ trợ. Các tổ chức có thể đóng vai trò điều phối và vai trò kỹ thuật.

Mục tiêu chiến lược 1 : Củng cố chức năng và mức độ phù hợp trong việc quản trị chất lượng và cơ sở hạ tầng đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thương mại bền vững		Bên thực hiện	Khung thời gian và mục tiêu
Mục tiêu hành động	Hoạt động		Ngắn hạn
	1.1.1. Thiết lập cơ chế công-tư mới để phát triển chính sách chất lượng quốc gia đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ khi tham gia thương mại quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức diễn đàn do liên bộ KH&amp;CN và Bộ Công Thương chủ trì.</li> <li>Xác định và mời các bên liên quan tham gia sáng kiến mới liên quan đến thương mại và doanh nghiệp vừa và nhỏ.</li> <li>Làm rõ vai trò và trách nhiệm, đánh giá hiệu quả của các tổ chức công.</li> <li>Đánh giá quy trình hiện tại để thu thập thông tin đầu vào từ các bên liên quan để xác định nhu cầu.</li> <li>Lên ý tưởng và thống nhất cơ chế khả thi và được Bộ K&amp;CN và Bộ Công Thương giám sát.</li> <li>Tổ chức chiến dịch truyền thông để phổ biến thông tin về cơ chế mới.</li> </ul>	Chính sách chất lượng thích hợp hơn với mục tiêu phát triển thương mại, được Bộ Công Thương hỗ trợ.
1.1. Hiện đại hóa khung pháp lý và quy định quốc gia hỗ trợ tuân thủ các yêu cầu mới của quốc tế	Hoạt động	<p>Hoạt động này là bước đầu đảm bảo xây dựng chính sách chất lượng quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại và khu vực tư nhân bằng cách cải thiện tinh thần hợp tác giữa Bộ Công Thương và Bộ KH&amp;CN nhằm thu thập thông tin đầu vào từ nhiều bên liên quan, nhất là từ cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p> <p>1.1.2. Cập nhật luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật 2006, Luật Chất lượng sản phẩm 2008 và Luật Đo lường 2012, tập trung vào nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ để phù hợp hơn trong việc giữ môi trường bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức các nhóm công tác giữa các cơ quan nhà nước và các đơn vị tư nhân để xem xét và đánh giá cấp nhật cần thiết cho từng luật cũng như cách thức các luật bổ sung cho nhau.</li> <li>Bộ Công Thương nên tích cực tham gia vào quá trình này để đảm bảo các vấn đề thương mại được giải quyết.</li> <li>Các bản cập nhật nên nhằm mục đích phản ánh và đáp ứng các nhu cầu cụ thể được các nhóm khu vực tư nhân giải quyết về tuân thủ yêu cầu từ thị trường quốc tế. Cần chú ý đặc biệt đến việc tuân thủ tính bền vững.</li> <li>Xây dựng năng lực cho đội ngũ nhân viên của các nhà điều hành khu vực công và tư để giải quyết các tác động pháp lý dựa trên những thay đổi của luật pháp.</li> <li>Đặt mục tiêu và các chỉ đầu hiệu suất chính định kỳ, đồng thời nhóm điều phối ngành cần giám sát việc đạt được các mục tiêu, xác định nguyên nhân có sai lệch, và đề xuất hành động thích hợp.</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm xem xét và cập nhật ba luật nền tảng chi phối cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia đưa trên sự đồng thuận của các bên liên quan. Ba luật này cần cập nhật để đáp ứng đầy đủ hơn yêu cầu mới của quốc tế về tính bền vững của môi trường xuất hiện trong 15 năm qua. Ngoài ra, còn có thể cập nhật các luật trên thông qua sự phối hợp giữa các bộ và khu vực công.</p>	Trung hạn
	1.2.3. Phác thảo quy trình và nguồn lực cần thiết để thực hiện Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập nhóm công tác gồm các chuyên gia kỹ thuật trong thương mại và lãnh đạo khu vực tư.</li> <li>Phân tích thủ tục, quy trình đàm phán, và yêu cầu pháp lý dựa trên hướng dẫn đã được cải thiện trong Hướng dẫn chiến lược của Tổ chức Hải quan thế giới năm 2021 về các thông lệ hiệu quả nhất để thực hiện MRA đúng cách và hiệu quả.</li> <li>Xây dựng kiến nghị và lộ trình thực hiện quy trình MRA, bao gồm các quốc gia mục tiêu.</li> </ul>	Ngắn hạn
Hoạt động này nhằm kiến quyết thực hiện phác thảo quy trình mang tính khả thi, cách tiếp cận phối hợp, và các nguồn lực cần thiết để đàm phán và ký MRA về đánh giá tính phù hợp.		<p>Văn phòng Công nhân chất lượng Bộ KH&amp;CN/Bộ Công Thương/Bộ NN&amp;PTNT/VCCI/</p>	Các bộ chủ quản có kế hoạch rõ ràng để theo đuổi đàm phán MRA

Mục tiêu chiến lược 1: Củng cố chức năng và mức độ phù hợp trong việc quản trị chất lượng và cơ sở hạ tầng đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thương mại bền vững		
Hoạt động	Bên thực hiện	Khung thời gian và mục tiêu
<p><b>1.2. Xây dựng khung quy chuẩn chất lượng quốc gia toàn diện nhằm hỗ trợ thực hiện chiến lược Tăng trưởng xanh, luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, và chương trình Phát triển kinh tế tuần hoàn</b></p>	<p><b>Hoạt động</b></p> <p>1.2.1. Xây dựng và/hoặc thay đổi cho phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dựa theo nhu cầu của chương trình quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập nhóm công tác đầu mối chủ trì triển khai hoạt động thuộc chương trình quốc gia Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn, chiến lược Tăng trưởng xanh, luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.</li> <li>Xác định tiêu chuẩn và dịch vụ đánh giá tính phù hợp cần để hỗ trợ chứng nhận được quốc tế công nhận đối với hàng hóa và dịch vụ mới, được phát triển theo chương trình này.</li> <li>Nhóm công tác cần xác định phương pháp mỗi chương trình có thể huy động kinh phí và các nguồn lực cần thiết để thực hiện, chẳng hạn tìm kiếm sự hỗ trợ từ các tác hợp tác quốc tế.</li> </ul> <p>Hoạt động này đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan trong chương trình phát triển về nhu cầu cấp thiết cần có các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá tính phù hợp mới cho hàng hóa và dịch vụ mới, được phát triển theo chương trình tương ứng.</p>	<p>Trung hạn</p> <p>Chuẩn bị kế hoạch có thời gian phát triển và xác nhận tiêu chuẩn mới</p>
	<p>1.2.2 Cải thiện việc thực thi các quy định, tiêu chuẩn, chứng nhận liên quan đến bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập nhóm tham vấn nhiều bên, gồm các bộ, ngành liên quan, hiệp hội, công ty sản xuất hàng xuất khẩu, viện nghiên cứu và phát triển, luật sư thương mại v.v., để tư vấn về các tiêu chuẩn và rào cản kỹ thuật trong thương mại dựa trên sản xuất, tìm nguồn cung và chuỗi giá trị liên quan đến môi trường.</li> <li>Tiến hành phân tích lỗ hổng trong việc thực thi tiêu chuẩn và quy định bảo vệ môi trường của Việt Nam, dựa trên Hiệp định Thương mại tự do (FTA) được ký song phương trong khu vực và các thị trường xuất khẩu tiềm năng chủ chốt.</li> <li>Thực hiện kế hoạch có hệ thống để loại bỏ và giảm thiểu những khoảng trống như vậy trong các quy định và tiêu chuẩn, đảm bảo ưu tiên thích hợp cho quy định có tác động cao hơn đến hàng xuất khẩu tiềm năng.</li> <li>Đẩy mạnh hoạt động hợp tác kỹ thuật và tăng cường đối thoại/đàm phán ở các cấp nhằm loại bỏ/giảm bớt rào cản kỹ thuật do yêu cầu bảo vệ môi trường và sản xuất.</li> </ul> <p>Hoạt động này được xây dựng để đánh giá và giám sát rào cản kỹ thuật trong thương mại do tiêu chuẩn và quy định bảo vệ môi trường.</p>	<p>Trung hạn</p> <p>Các cơ quan quản lý phải hiểu rõ hơn quy định bảo vệ môi trường đang được thực thi theo yêu cầu của thị trường quốc tế</p>
	<p>1.2.3. Giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu được các thông lệ hiệu quả nhất để xây dựng cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia đúng hướng và hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp đào tạo cho các nhà hoạch định chính sách về mối liên hệ giữa chất lượng và thương mại.</li> <li>Xây dựng kho lưu trữ các thông lệ hiệu quả nhất về chính sách chất lượng hàng xuất khẩu để hỗ trợ thương mại bền vững.</li> <li>Nghiên cứu và phát triển (R&amp;D) dựa trên khoảng cách năng lực do các nhà hoạch định chính sách xác định.</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm phát triển phương pháp chặt chẽ, lâu dài để củng cố cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia.</p>	<p>Ngắn hạn</p> <p>Các nhà hoạch định chính sách hoàn thành đào tạo và chuẩn bị kho lưu trữ các thông lệ hiệu quả nhất.</p>

Mục tiêu chiến lược 1: Củng cố chức năng và mức độ phù hợp trong việc quản trị chất lượng và cơ sở hạ tầng tăng trưởng thương mại bền vững		Bền thực hiện	Khung thời gian và mục tiêu
Mục tiêu hành động	Hoạt động		Trung hạn
	1.3.1. Thành lập mới hoặc cải thiện các đơn vị đánh giá tính phù hợp được cập nhật theo khung pháp lý và quy định quốc gia	Nhóm công tác thành lập trong hoạt động 1.2.1. Bộ KH&CN/ Bộ KH&ĐT/ Bộ Công Thương/ Bộ NN&PTNT/ VCCI	Tăng số lượng đơn vị đánh giá tính phù hợp
	• Đánh giá năng lực và hiệu quả hiện tại của các đơn vị đánh giá tính phù hợp khu vực công để xác định nguồn lực cần thiết cải thiện mô hình kinh doanh và dịch vụ		
	• Tìm tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện mô hình kinh doanh dịch vụ công nhằm giải quyết khả năng chi trả và khả năng tiếp cận cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ.		
	Hoạt động này có mục đích đảm bảo đơn vị đánh giá tính phù hợp được thực hiện theo các bước phát triển trong Hoạt động 1.2.1.		
1.3 Tăng số lượng đơn vị đánh giá tính phù hợp cấp quốc gia được quốc tế công nhận	Hoạt động		Trung hạn
	1.3.2. Tăng cường đội ngũ chuyên gia và kiểm toán viên được quốc tế công nhận.		
	• Đào tạo chuyên gia, kiểm toán viên trong nước đạt chứng chỉ quốc tế. Khóa đào tạo này phải đưa vào nội dung tiêu chuẩn thực phẩm Halal và những tiêu chuẩn liên quan đến yêu cầu bền vững môi trường.	Viên Tiêu chuẩn Chất lượng VN/ QUACERT/ QUATEST/ITC	Ít nhất 200 chuyên gia, kiểm toán viên được công nhận quốc tế
	• Nâng cao kỹ năng và khả năng thông qua các khóa học nâng cao năng lực thường xuyên, đào tạo thực tế, và kiểm tra năng lực thường xuyên, cũng như gửi học viên đến các khóa đào tạo phù hợp do các tổ chức khu vực/quốc tế tài trợ.		
• Đảm bảo chương trình giảng dạy cho các kỹ thuật viên phòng xét nghiệm mới được đào tạo trong trường đại học có nội dung bắt buộc là huấn luyện thực tế công việc.			
	Hoạt động này nhằm giải quyết hạn chế về khả năng tiếp cận, chứng nhận uy tín, và khả năng chi trả cho các đơn vị đánh giá tính phù hợp bằng cách tăng nguồn cung chuyên gia được công nhận.		
	1.3.3 Tăng số lượng phòng xét nghiệm trong nước cung cấp dịch vụ được quốc tế công nhận và giá cả phải chăng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ		Trung hạn
• Khuyến khích phát triển quan hệ đối tác công-tư để tạo ra chương trình cho vay thiết bị xét nghiệm thông qua các liên doanh có phòng xét nghiệm hoặc dịch vụ xét nghiệm quốc tế.	Viên tiêu chuẩn chất lượng VN/ QUACERT/ QUATEST	Tăng năng lực và số lượng phòng xét nghiệm	
• Hỗ trợ các phòng xét nghiệm công phù hợp tìm kiếm quan hệ hợp tác với các đối tác kỹ thuật quốc tế để xây dựng 'kế hoạch kinh doanh' dịch vụ để các dịch vụ này trở nên hợp túi tiền hơn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.			
• Phân bổ các nguồn tài chính cần thiết để nâng cao năng lực và/hoặc thành lập phòng xét nghiệm ở các vùng nông thôn			
	Hoạt động này được xây dựng để giải quyết các hạn chế liên quan đến khả năng tiếp cận và tính khả dụng của phòng xét nghiệm được trang bị năng lực tiến hành các xét nghiệm được quốc tế công nhận.		

Mục tiêu chiến lược 2: Đảm bảo doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận với dịch vụ đào tạo, huấn luyện, thông tin để ngày càng đáp ứng yêu cầu chất lượng quốc tế		Bên thực hiện	Khung thời gian
Mục tiêu hành động	Hoạt động		Trung hạn
	2.1.1. Phát triển mạng lưới huấn luyện để đưa ra lời khuyên phù hợp cho công ty khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các doanh nhân khởi nghiệp có tham vọng		Trung hạn
2.1. Nâng cao năng lực của các tổ chức công cộng cấp dịch vụ tư vấn và huấn luyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện chương trình thí điểm để xác định, lựa chọn, và đào tạo nhóm ứng viên trở thành huấn luyện viên chuyên nghiệp, có trình độ, được coi là chuyên gia chất lượng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.</li> <li>Thiết lập mạng lưới các chuyên gia chất lượng trong các tổ chức công được lựa chọn để hỗ trợ doanh nghiệp</li> <li>Phát triển mô hình kinh doanh cho phép doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận với những huấn luyện viên này với mức giá hợp lý</li> <li>Đảm bảo chương trình thí điểm có thể đào tạo ít nhất 20-30 chuyên gia mới để theo dõi và cải tiến chất lượng và có thể tăng gấp đôi số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ được đào tạo bởi các tổ chức công nói trên.</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm đảm bảo dịch vụ do các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp cấp quốc gia cung cấp được "đo ni đóng giày" với nhu cầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ, có giá cả phải chăng và hữu ích.</p>	BỘ KH&CN/Viện TCCLVN/ITC	Thực hiện chương trình thí điểm đào tạo chuyên gia chất lượng
	2.1.2. Thiết lập quan hệ đối tác mới giữa các tổ chức hỗ trợ thương mại của Việt Nam và các công ty thương mại điện tử tư nhân		Ngắn hạn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo dõi để xuất của các bên liên quan trong khu vực tư nhân, như Alibaba Việt Nam, trong việc thiết lập quan hệ đối tác để cung cấp đào tạo chung cho các nhà xuất khẩu có tham vọng, tham gia mục tiêu nền tảng thương mại điện tử để xuất khẩu</li> <li>Xác định nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp vừa và nhỏ muốn xuất khẩu thông qua nền tảng thương mại điện tử</li> <li>Đảm bảo doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất khẩu qua Alibaba và các nền tảng trực tuyến khác là mục tiêu nhằm đến cần được đào tạo về yêu cầu chất lượng của quốc tế và nâng cao khả năng sẵn sàng xuất khẩu của họ</li> </ul> <p>Hoạt động này được xây dựng để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ bắt đầu xuất khẩu thông qua các nền tảng thương mại điện tử. Các doanh nghiệp này được đào tạo nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng xuất khẩu.</p>	Viện TCCLVN/BỘ KH&CN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất khẩu thông qua nền tảng thương mại điện tử được tham gia đào tạo
	2.1.3. Cải thiện thiết kế, hiệu quả và phạm vi bao phủ của chương trình đào tạo hiện có.		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá hiệu quả của chương trình hiện có bằng cách thực hiện khảo sát doanh nghiệp vừa và nhỏ đã và sắp thành lập.</li> <li>Xác định cách thức hiệu quả nhất để kết hợp phản hồi từ các bên liên quan trong cuộc khảo sát</li> <li>Cung cấp đào tạo cho các tổ chức hỗ trợ thương mại (BSO) của Việt Nam và các tổ chức khác cung cấp đào tạo cho doanh nghiệp vừa và nhỏ về cách cải thiện chương trình đào tạo theo hướng toàn diện.</li> </ul> <p>Hoạt động này có mục đích nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo hiện tại.</p>	BỘ KH&CN/Viện TC&CLVN	Các chương trình hiện tại cần phù hợp hơn để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ
	2.2.1. Cải thiện cơ hội nghề nghiệp và quá trình đào tạo chuyên gia quản lý chất lượng tiềm năng		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển hoặc cải thiện chương trình giảng dạy</li> <li>Quảng bá về nhu cầu cần chuyên gia quản lý chất lượng để khuyến khích sinh viên theo đuổi sự nghiệp</li> <li>Phối hợp với công ty tư vấn về việc thí điểm cơ hội học nghề, nhất là những công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho các công ty xuất khẩu.</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm tăng cường cung cấp chuyên gia quản lý chất lượng sẵn sàng làm việc với doanh nhân khởi nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ có tham vọng.</p>	BỘ KH&CN/BỘ GD&ĐT	Tăng nguồn cung chuyên gia quản lý chất lượng
	2.2.2. Lồng ghép các hệ thống quản lý chất lượng vào giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề (TVET)		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển hoặc hiện đại hóa module quản lý chất lượng hàng xuất khẩu cho khóa học quản lý doanh nghiệp</li> <li>Đưa ra bài tập thực tế về các công cụ khác nhau của hệ thống quản lý chất lượng</li> <li>Phối hợp với tư vấn kinh doanh để truyền tải tầm quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng trong quản lý kinh doanh và thương mại quốc tế</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm đảm bảo rằng hệ thống quản lý chất lượng trở thành một phần nền tảng cho sinh viên theo đuổi sự nghiệp quản trị kinh doanh.</p>	BỘ KH&CN, BỘ GD&ĐT	

Mục tiêu chiến lược 2: Đảm bảo doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận với dịch vụ đào tạo, huấn luyện, thông tin để nâng cao chất lượng quốc tế		Bên thực hiện		Khung thời gian
Mục tiêu hành động		Hoạt động		Ngắn hạn
2.2. Phát triển giáo dục và đào tạo về quản lý chất lượng hàng xuất khẩu	2.2.3. Đưa hệ thống quản lý chất lượng làm công cụ hỗ trợ đổi mới và nâng cấp sản phẩm để xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức hội thảo với các bên liên quan từ hệ sinh thái đổi mới mới sáng tạo đến thảo luận cách tích hợp và thúc đẩy hệ thống quản lý chất lượng làm công cụ đổi mới.</li> <li>Khám phá cơ hội hợp nhất các hoạt động đào tạo được đề xuất trong chiến lược đổi mới của NES.</li> <li>Thí điểm hội thảo đào tạo với các công ty khởi nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ non trẻ để đánh giá lợi ích tiềm năng và bước tiếp theo</li> </ul>	BỘ KH&ĐT/ BỘ KH&ĐT/ VCCI/ ITC	Các bên liên quan thảo luận về mối liên hệ giữa chất lượng và đổi mới
	Hoạt động này nhằm xác định cơ hội cụ thể nâng cao sử dụng hệ thống quản lý chất lượng thành công cụ thiết thực thúc đẩy đổi mới.			
2.3. Cung cấp thông tin thị trường về yêu cầu chất lượng quốc tế	2.3.1. Triển khai nền tảng thông tin trực tuyến một cửa bằng tiếng Việt cho các lĩnh vực ưu tiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển nền tảng trực tuyến đóng vai trò là điểm đến một cửa cho mọi nhu cầu, giúp người dùng khám phá các yêu cầu chất lượng hợp cho sản phẩm ưu tiên tại thị trường mục tiêu, nhận hướng dẫn về các chủ đề liên quan đến chất lượng, chia sẻ các thông lệ hiệu quả nhất, kết nối với tổ chức hoặc cá nhân phù hợp có thể cung cấp hỗ trợ và có thêm kinh nghiệm từ những tổ chức hoặc cá nhân đã thành công.</li> <li>Đảm bảo nền tảng có công cụ cho phép người dùng khám phá các yêu cầu cụ thể liên quan đến chất lượng, như yêu cầu pháp lý bắt buộc, tiêu chuẩn chính và sở thích thị trường đối với các sản phẩm ưu tiên đã xác định tại các thị trường đích được hướng dẫn.</li> <li>Đảm bảo nền tảng này có công cụ kết nối mạng lưới toàn cầu gồm các nhóm chuyên gia chất lượng quốc gia và chứa danh mục tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến. Người dùng có thể xác định tổ chức phù hợp cung cấp các dịch vụ họ cần trên hành trình cải thiện chất lượng sản phẩm.</li> <li>Đảm bảo nền tảng có công cụ xây dựng kho lưu trữ tài liệu đào tạo, hướng dẫn thực hành và tài liệu kỹ thuật liên quan đến chất lượng được phát triển theo dự án, cho phép chia sẻ các phương pháp hiệu quả nhất và tài liệu liên quan giữa các quốc gia. Chiều rộng và chiều sâu của kho lưu trữ sẽ tăng theo thời gian cho phép người dùng tìm kiếm tài liệu theo chủ đề, sản phẩm hoặc quốc gia.</li> </ul>	BỘ KH&CN/ BỘ Công Thương/ ITC	Đưa ra tảng trực tuyến mới.
	Hoạt động này nhằm phát triển nền tảng có thể giải quyết khó khăn gặp phải của các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi thành công xuất khẩu ra thị trường nước ngoài do các yêu cầu thường khác nhau giữa các ngành, sản phẩm. Nền tảng và công cụ đề xuất có thể được phát triển nhờ hợp tác với ITC.			
	2.3.2. Tăng cường vai trò hợp tác trong việc phổ biến thông tin về cấu trúc và tầm quan trọng của các yêu cầu chất lượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết lập cơ chế thu thập ý kiến từ khu vực tư nhân về SPS và các quy định kỹ thuật dựa trên mối quan tâm của ngành.</li> <li>Tạo vòng phản hồi để hợp lý hóa thông tin cho công cụ nền tảng trực tuyến trong Hoạt động 2.3.1.</li> <li>Tổ chức chia sẻ thông tin ngang hàng và các hoạt động hợp tác khác.</li> <li>Phổ biến thông tin bằng cách truyền miệng và thông qua báo đài</li> </ul>	BỘ KH&CN/ BỘ Công Thương	Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận thông tin trực tiếp và thông qua các kênh khác ngoài công cụ trực tuyến
	Hoạt động này nhằm đảm bảo có cơ chế phổ biến thông tin cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực nông thôn và những vùng khó lên mạng.			

Mục tiêu chiến lược 3: Nâng cao danh tiếng chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam		
Mục tiêu hành động	Hoạt động	
3.1. Trao quyền cho cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ để họ chủ động và quan tâm cải thiện chất lượng	<p><b>Hoạt động</b></p> <p>3.1.1. Tăng cường hoặc phát triển chương trình đào tạo phân loại, đóng gói và dán nhãn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết lập các khóa đào tạo thường xuyên để giải quyết vấn đề về đóng gói bất bước, mức độ quy chuẩn liên quan đến đo lường pháp lý, tính toàn vẹn của bao bì, và tác động môi trường của vật liệu đóng gói.</li> <li>Cần cung cấp module về yêu cầu tiếp thị với sự cộng tác của chuyên gia tiếp thị.</li> <li>Đảm bảo nhãn dán sinh thái để cập trong khóa đào tạo. Nên tư vấn cho nhóm công tác ở Hoạt động 1.2.1.</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm đảm bảo doanh nghiệp vừa và nhỏ được cung cấp thông tin và đào tạo về đóng gói và dán nhãn, những vấn đề thường được ưu tiên khi xuất khẩu.</p>	<p><b>Bên thực hiện</b></p> <p>Ngắn hạn</p> <p>Bộ KH&amp;CN/ Bộ Công Thương/ Bộ KH&amp;ĐT/ VCCI</p> <p>Cung cấp các khóa đào tạo mới</p>
	<p>3.1.2. Tăng cường hoặc phát triển chương trình đào tạo về xây dựng thương hiệu và dịch thuật nhãn hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo chương trình nhằm mục tiêu cụ thể đến cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ và chương trình được trình bày bằng ngôn ngữ địa phương</li> <li>Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tiếp thị và dịch thuật để hỗ trợ kỹ thuật</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm tăng cơ hội cho doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng thương hiệu và nhãn mác phù hợp với các thị trường mục tiêu khác nhau.</p>	<p><b>Ngắn hạn</b></p> <p>Bộ Công Thương/ Bộ KH&amp;CN/ VCCI</p> <p>Cung cấp các khóa đào tạo mới</p>
3.2. Thực hiện nghiên cứu và phát triển để xác định các cơ chế mới nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa Việt Nam	<p>3.1.3. Xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ hơn giữa Giải thưởng Chất lượng Quốc gia Việt Nam và xúc tiến thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lập kế hoạch khuyến khích và khen thưởng doanh nghiệp vừa và nhỏ để họ có được cơ hội xuất khẩu.</li> <li>Đảm bảo doanh nghiệp đạt giải được quảng bá trong các hoạt động xúc tiến thương mại và tài liệu tiếp thị.</li> </ul> <p>Hành động này nhằm khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ cải thiện và cạnh tranh giành các giải thưởng chất lượng bằng cách thương cho họ cơ hội tiếp xúc với quốc tế.</p>	<p><b>Trung hạn</b></p> <p>Bộ KH&amp;CN/ Bộ Công Thương/ Vietrade</p> <p>Doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia được tiếp cận quốc tế nhiều hơn và có cơ hội xuất khẩu</p>
	<p>3.2.1. Đánh giá cơ hội đăng ký chỉ dẫn địa lý (GI) cho sản phẩm mới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập đơn vị R&amp;D tạm thời được giao nhiệm vụ huy động chuyên môn kỹ thuật và tổ chức các phiên họp mở</li> <li>Tổ chức phiên họp về sự thành công và lợi ích của chỉ dẫn địa lý hiện có về cà phê và trà, phân tích so sánh cách các đối thủ cạnh tranh trong khu vực sử dụng thành công cơ chế này</li> <li>Đưa ra khuyến nghị về các sản phẩm tiềm năng hoặc phương pháp sản xuất tiềm năng để đăng ký</li> </ul> <p>Hoạt động này nhằm cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách về những cơ hội chưa được khai thác của chỉ dẫn địa lý khi định vị giá trị độc đáo của hàng hóa Việt Nam.</p>	<p><b>Trung hạn</b></p> <p>Bộ Công Thương/ Cục SHTT quốc gia/ Bộ KH&amp;ĐT/ Bộ KH&amp;CN</p> <p>Các nhà hoạch định chính sách có thông tin về các cơ hội</p>

## Phụ lục I: Những bên tham gia quá trình tham vấn

Tên	Chức vụ
Bộ Công Thương	Cục Xuất nhập khẩu
Bộ Khoa học và Công nghệ	Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Trung tâm WTO và Hội nhập
Hiệp hội Công nghiệp Hỗ trợ Việt Nam	HIỆP HỘI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ VIỆT NAM
Alibaba.com Việt Nam	Mr. Vu The Tung - Director of Market Dev
Ông Vũ Thế Tùng - Giám đốc Phát triển Thị trường	Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI Việt Nam)
Viện tiêu chuẩn Anh (BSI) -Việt Nam	Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI Việt Nam)
Viện Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam	Tổng giám đốc
QUATEST 1: xét nghiệm	Trung tâm kỹ thuật 1 (QUATEST1)
QUACERT: Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Việt Nam	Trung tâm Chứng nhận Phù hợp
Xuất khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN EUBIZ VIỆT NAM	Công Ty Cổ Phần Eubiz Việt Nam <a href="https://eubizfood.com/">https://eubizfood.com/</a>
	Công ty CP Chứng nhận Quốc gia Good Việt Nam
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Định	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ An Định <a href="https://andinh.com.vn/vi/about-us/">https://andinh.com.vn/vi/about-us/</a>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GOOD VIỆT NAM	Công ty CP Chứng Nhận Quốc Gia Good Việt Nam